

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6681 /STC-QLNS

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2019

V/v thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai

Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách và các công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17/7/2017, công văn 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018, công văn số 14079/BTC-NSNN ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính.

Tại Điều 9 Thông tư số 343/2016/TT-BTC quy định hình thức công khai *“Việc công khai các nội dung quy định tại Điều 7 của Thông tư này được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.”*

Tuy nhiên, vừa qua Thanh tra Chính phủ kiểm tra công tác công khai ngân sách của tỉnh Đồng Nai năm 2017, năm 2018 và dự thảo kết luận ngày 25/10/2019 việc công khai ngân sách nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ theo Điều 9 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể việc công khai chưa công bố đầy đủ trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã giải trình với Thanh tra Chính phủ trong thời gian tới (từ năm ngân sách 2019) Sở Tài chính sẽ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện công khai ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định về nội dung, hình thức và thời gian công khai. Do đó, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện công khai ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2019 (bổ sung) trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, bao gồm:

(1) Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

(2) Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

(3) Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 9 tháng, năm 2019 đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

(4) Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn.

(Các biểu mẫu chi tiết (1),(2),(3),(4) đính kèm)

Kể từ năm 2020, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện công khai ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai đầy đủ theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban giám đốc Sở;
 - Lưu VT, QLNS.
- Hồng Nhung.QLNS

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Việt Tiến



Digitally signed
by Vn phòng y
ban nhân dân
Date:
2018.12.12
07:30:40 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13608**/UBND-KT

Đồng Nai, ngày **11** tháng 12 năm 2018

**CÔNG KHAI NỘI DUNG TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
VỀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo tình hình thực hiện công khai nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Kết quả thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2018:

1. Thu ngân sách nhà nước:

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 50.707.000 triệu đồng.

Đạt 94% dự toán giao đầu năm và tăng 04% so với cùng kỳ.

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 33.707.000 triệu đồng.

Đạt 88% dự toán giao đầu năm và bằng so với cùng kỳ. Trong đó: thu từ Xổ số 1.491.000 triệu đồng; thu từ tiền sử dụng đất là 2.500.000 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.000.000 triệu đồng.

Đạt 110% dự toán giao đầu năm và tăng 12% so với cùng kỳ.

Số liệu thu ngân sách đến hết ngày 31/10/2018 là: 38.428.177 triệu đồng đạt 71% so với dự toán năm. Do đó, nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước từ nay đến cuối năm còn hết sức khó khăn, khả năng thu ngân sách không hoàn thành dự toán được Bộ tài chính giao.

2. Chi ngân sách địa phương

Ước tổng chi ngân sách địa phương: 19.148.083 triệu đồng.

Ước tổng chi ngân sách địa phương: 22.398.951 triệu đồng.

Đạt 105% dự toán đầu năm và tăng 21% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 9.421.869 triệu đồng.

Đạt 130% dự toán đầu năm và tăng 31% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 12.009.875 triệu đồng.

Đạt 99% dự toán đầu năm và tăng 07% so với cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 309.960 triệu đồng.

II. Xây dựng dự toán tỉnh Đồng Nai năm 2019

1. Chỉ tiêu dự toán năm 2019 Chính phủ giao:

Năm 2019 Chính phủ giao dự toán cho Đồng Nai như sau:

a) Tổng thu NSNN: 54.291.000 triệu đồng.

Tăng 01% so với dự toán năm 2018 và tăng 07% ước thực hiện 2018.

Bao gồm:

- Thu nội địa: 37.191.000 triệu đồng.

Bằng 97% so với dự toán năm 2018 và tăng 10% so với ước thực hiện 2018.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.100.000 triệu đồng.

Tăng 10% so với dự toán năm 2018 và tăng 01% so với ước thực hiện 2018.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 27.656.851 triệu đồng.

b.1) Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.

Bằng 97% so với dự toán năm 2018 và Bằng 92% so với ước thực hiện 2018. Bao gồm:

- Chi tạo nguồn thực hiện CCTL^o: 1.011.083 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 6.978.860 triệu đồng.

Bằng 96% so với dự toán năm 2018 và Bằng 74% so với ước thực hiện 2018, gồm:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 3.993.860 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 1.500.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.485.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 12.143.108 triệu đồng.

Bằng dự toán năm 2018 và tăng 01% so với ước thực hiện 2018.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 4.884.955 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 110.563 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 648.657 triệu đồng.

- Chi trả nợ lãi: 70.000 triệu đồng.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách:	419.960 triệu đồng.
b.2) Chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu	
Ngân sách Trung ương:	7.030.930 triệu đồng.

2. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2019:

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 54.291.000 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 37.191.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 triệu đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 1.485.000 triệu đồng.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.100.000 triệu đồng

3. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2019:

Tổng dự toán thu NSDP: 27.656.851 triệu đồng.

- Các khoản thu trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 7.030.930 triệu đồng.

4. Dự toán chi ngân sách địa phương:

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 27.656.851 triệu đồng.

4.1 Dự toán chi trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Dự toán chi tạo nguồn CCTL: 1.011.083 triệu đồng.

b) Dự toán chi đầu tư phát triển: 6.978.860 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi XD CB nguồn vốn tập trung: 3.993.860 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.485.000 triệu đồng.

c) Dự toán chi thường xuyên: 12.143.108 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 5.172.849 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 110.563 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp quản lý môi trường: 664.336 triệu đồng.

- d) Chi trả nợ lãi: 70.000 triệu đồng.
e) Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.
g) Dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng.

4.2. Dự toán chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung

có mục tiêu Ngân sách Trung ương: 7.030.930 triệu đồng.

(Đính kèm mẫu biểu công khai theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Trên đây báo cáo công khai nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của UBND tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Sở Thông tin Truyền thông;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

@ĐiệnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Đồng văn số **13608** /UBND-KT ngày **11** /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

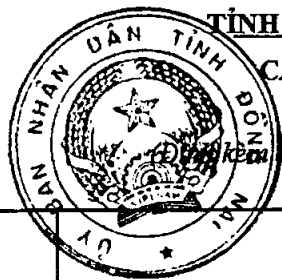
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC TH NĂM 2018	DỰ TOÁN NĂM 2019	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3	%
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	25,705,408	27,106,166	27,656,851	102%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	20,998,193	19,790,773	20,625,921	104%
1	Thu NSDP được hưởng 100%	6,194,000	7,988,000	6,630,787	83%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	14,804,193	11,802,773	13,995,134	119%
II	Thu bổ sung từ NSTW	4,707,215	4,707,915	7,030,930	149%
1	Thu bổ sung cân đối	128,023	128,723		0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4,579,192	4,579,192	7,030,930	154%
III	Nguồn khác		2,607,478		
B	TỔNG CHI NSDP	26,003,608	27,106,166	27,656,851	106%
I	Tổng chi cân đối NSDP	21,296,393	22,398,951	20,625,921	97%
1	Chi đầu tư phát triển	7,246,060	9,421,869	6,978,860	96%
2	Chi thường xuyên	12,166,043	12,009,875	12,143,108	100%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	119,000	119,000	70,000	59%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	2,910	100%
5	Dự phòng ngân sách	419,960	309,960	419,960	100%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,342,420	535,337	1,011,083	75%
II	Chi các chương trình mục tiêu	4,707,215	4,707,215	7,030,930	149%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	4,707,215	4,707,215	7,030,930	149%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	298,200	298,200		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
D	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	-	-	-	
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 34/CK-NSNN



CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

Được kèm theo công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC NĂM 2018	DỰ TOÁN NĂM 2019	SỐ SÁNH (1) (%)
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				
I	Nguồn thu ngân sách	20,691,337	21,113,894	22,360,007	106%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15,984,122	14,176,701	15,329,077	108%
2	Thu bổ sung từ NSTW	4,707,215	4,707,915	7,030,930	149%
-	Thu bổ sung cân đối				
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4,707,215	4,707,915	7,030,930	149%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư		2,309,278		0%
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
II	Chi ngân sách	20,691,337	21,113,894	22,360,007	108%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	15,386,324	14,811,176	17,075,904	111%
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	5,305,013	6,382,718	5,284,103	100%
-	Chi bổ sung cân đối	4,829,239	4,829,239	4,734,552	98%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	475,774	1,553,479	549,551	116%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP				
B	NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	10,319,084	11,996,790	10,580,947	88%
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	5,014,072	5,614,072	5,296,844	94%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	5,305,013	6,382,718	5,284,103	83%
-	Thu bổ sung cân đối	4,829,239	4,829,239	4,734,552	98%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	475,774	1,553,479	549,551	35%
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
II	Chi ngân sách	10,319,084	11,996,790	10,580,947	103%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	10,319,084	11,996,790	10,580,947	103%
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã				
-	Chi bổ sung cân đối				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

theo kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018		DỰ TOÁN NĂM 2019		SO SÁNH (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	50,707,000	19,790,773	54,291,000	20,625,921	107%	104%
I	Thu nội địa	33,707,000	19,790,773	37,191,000	20,625,921	110%	104%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	2,000,000	1,099,000	2,580,000	1,420,360	129%	129%
-	Thuế giá trị gia tăng	1,100,000	517,000	1,324,400	622,468	120%	120%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	500	235	600	282	120%	120%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	599,500	281,765	863,000	405,610	144%	144%
-	Thuế tài nguyên	300,000	300,000	392,000	392,000	131%	131%
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	1,696,000	850,120	2,692,000	1,291,740	159%	152%
-	Thuế giá trị gia tăng	550,000	258,500	815,000	383,050	148%	148%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	696,000	327,120	1,177,000	553,190	169%	169%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	350,000	164,500	650,000	305,500	186%	186%
-	Thuế tài nguyên	100,000	100,000	50,000	50,000	50%	50%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	12,140,000	5,701,520	14,179,000	6,665,435	117%	117%
-	Thuế giá trị gia tăng	3,453,000	1,622,910	4,458,000	2,095,260	129%	129%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	180,000	76,610	350,000	160,505	194%	210%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,500,000	3,995,000	9,361,000	4,399,670	110%	110%
-	Thuế tài nguyên	7,000	7,000	10,000	10,000	143%	143%
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,885,000	2,335,700	4,872,000	2,337,540	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	3,280,000	1,541,600	3,247,000	1,526,090	99%	99%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	30,000	14,100	35,000	16,450	117%	117%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000	705,000	1,500,000	705,000	100%	100%
-	Thuế tài nguyên	75,000	75,000	90,000	90,000	120%	120%
5	Thuế thu nhập cá nhân	4,750,000	2,232,500	5,800,000	2,726,000	122%	122%
6	Thuế bảo vệ môi trường	360,000	62,933	510,000	89,159	142%	142%
7	Lệ phí trước bạ	1,100,000	1,100,000	1,280,000	1,280,000	116%	116%
8	Thu phí, lệ phí	430,000	300,000	500,000	320,000	116%	107%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	62,000	62,000	62,000	62,000		100%
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1,000,000	1,000,000	600,000	600,000	60%	60%
12	Thu tiền sử dụng đất	2,500,000	2,500,000	1,500,000	1,500,000	60%	60%

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018		DỰ TOÁN NĂM 2019		SO SÁNH (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	15,000	15,000			0%	0%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,491,000	1,491,000	1,485,000	1,485,000	100%	100%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	150,000	143,000	180,000	163,900	120%	115%
16	Thu khác ngân sách	820,000	590,000	750,000	483,787	91%	82%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	28,000	28,000	1,000	1,000	4%	4%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	280,000	280,000	200,000	200,000	71%	71%
II	Thu từ đầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17,000,000		17,100,000	-	101%	
IV	Thu viện trợ						

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 36/CK-NSNN



CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH
HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NSDP	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20,625,921	10,044,975	10,580,946
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20,625,921	10,044,975	10,580,946
I	Chi đầu tư phát triển	6,978,860	4,249,653	2,729,207
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1,500,000	600,000	900,000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1,485,000	1,015,449	469,551
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
4	Bội chi ngân sách			
II	Chi thường xuyên	12,143,108	4,649,920	7,493,188
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5,172,849	1,495,404	3,677,445
2	Chi khoa học và công nghệ	110,563	110,563	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	70,000	70,000	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	
V	Chi dự phòng ngân sách	419,960	204,942	215,018
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,011,083	867,550	143,533
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 37/CK-NSNN



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

Kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG		DỰ TOÁN
TỔNG SỐ CHI NSDP		14,779,527
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	4,734,552
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	10,044,975
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	4,249,653
II	Chi thường xuyên	4,649,920
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,495,404
2	Chi khoa học và công nghệ	110,563
3	Chi y tế, dân số và gia đình	886,569
4	Chi văn hóa thông tin	97,810
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	79,760
7	Chi bảo vệ môi trường	169,670
8	Chi các hoạt động kinh tế	530,125
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	589,220
10	Chi bảo đảm xã hội	425,221
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	70,000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910
V	Dự phòng ngân sách	204,942
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	867,550
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

**AN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019**

Đính kèm công văn 13608 /UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai

Đơn vị: Triệu đồng

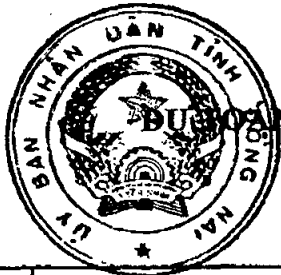
[illegible]

**DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
NĂM 2019**

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 40/CK-NSNN

**BƯỞI AN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
NĂM 2019**

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TÍN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
	TỔNG SỐ	4,649,920	148,955	1,495,404	110,563	886,569	97,810	79,670	169,670	530,126	589,220	425,221	9,706
1	Văn phòng HĐND tỉnh	16,345									16,345		
2	Văn phòng UBND tỉnh	63,772					10,494		4,582		45,743		2,953
3	Sở Tài chính	62,230								40,000	22,230		
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	15,707		473						2,000	13,043		191
5	Sở Nội vụ	67,589		17,222							50,367		
6	Sở Ngoại vụ	9,916		1,075							8,841		
7	Sở Thông tin Truyền thông	30,443							200	23,977	6,266		
8	Sở Khoa học Công nghệ	103,514		21,110	74,476						7,928		
9	Sở Công thương	45,506							3,676	27,004	14,826		
10	Sở Tài nguyên Môi trường	177,350							141,055	17,447	18,848		
11	Sở Tư pháp	17,967									12,592		5,375
12	Sở Nông nghiệp PTNT	226,630								176,184	50,446		
13	Sở Giao thông vận tải	165,172								145,937	19,235		
14	Sở Y tế	608,046		13,728		576,991			1,917		15,410		

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	203,454		47,404			67,230	79,670	100		9,050		
16	Sở Xây dựng	67,980								52,679	15,301		
17	Sở Lao động TBXH	544,445		105,609							13,615	425,221	
18	Sở Giáo dục đào tạo	1,100,003		1,088,704							11,299		
19	Thanh tra tỉnh	10,209									10,209		
20	Công an tỉnh	45,600	41,300	700					3,600				
21	Cảnh sát PCCC	-											
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	127,213	107,655	19,558									
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh	29,578				29,578							
24	Đại học Đồng Nai	82,061		82,061									
25	Trường Chính trị tỉnh	23,798		23,798									
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai	-											
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	22,786		22,786									
28	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	28,104		28,104									
29	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	19,841		19,841									
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh	280,000				280,000							
31	Nhà thiếu nhi tỉnh	3,991					3,991						
32	Ban Quản lý các KCN	21,320		3,231					1,550		15,352		1,187
33	Ban Quản lý KCN CNSH	33,488			29,707						3,781		
34	Ban Dân tộc	16,249									16,249		
35	Tỉnh Ủy	105,000									105,000		

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TÍN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THÈ	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
36	Hội chữ thập đỏ	3,572									3,572		
37	Hội người mù	1,235									1,235		
38	Hội cựu thanh niên xung phong	1,399									1,399		
39	Hội nạn nhân chất độc da cam	852									852		
40	Hội người cao tuổi	1,124									1,124		
41	Hội chiến sĩ cánh mạng bị địch bắt, tù đầy	1,586									1,586		
42	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ	-											
43	UBMT Tổ quốc tỉnh	10,573									10,573		
44	Tinh đoàn	13,204									13,204		
45	Hội phụ nữ	7,203									7,203		
46	Hội nông dân	9,685									9,685		
47	Hội cựu chiến binh	5,429									5,429		
48	Hội nhà báo	960									960		
49	Hội văn học nghệ thuật	3,530									3,530		
50	Liên minh Hợp tác xã	9,898									9,898		
51	Hội Luật gia	709									709		
52	Liên hiệp các hội KHKT	14,781			6,380						8,401		
53	Hội khuyến học	1,904									1,904		
54	Hội sinh viên	1,332									1,332		
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4,648									4,648		

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

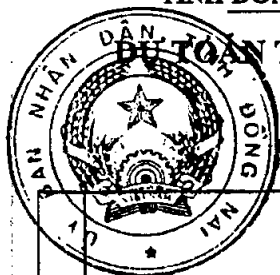
Biểu số 41/CK-NSNN

PHÂN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH
QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Đính kèm công văn số 3608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chia theo sắc thuế						
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Thành phố Biên Hòa	47	47	47	100	47	47	100
2	Thị xã Long Khánh	47	47	47	100	47	47	100
3	Huyện Xuân Lộc	47	47	47	100	47	47	100
4	Huyện Cẩm Mỹ	47	47	47	100	47	47	100
5	Huyện Tân Phú	47	47	47	100	47	47	100
6	Huyện Định Quán	47	47	47	100	47	47	100
7	Huyện Thống Nhất	47	47	47	100	47	47	100
8	Huyện Trảng Bom	47	47	47	100	47	47	100
9	Huyện Vĩnh Cửu	47	47	47	100	47	47	100
10	Huyện Long Thành	47	47	47	100	47	47	100
11	Huyện Nhơn Trạch	47	47	47	100	47	47	100



**ĐU TOÀN THU, SỔ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN
NĂM 2019**

(Đính kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	5,885,670	3,541,205	1,694,890	1,846,315	4,734,552	-	-	9,211,396
1	Thành phố Biên Hòa	2,830,000	1,658,950	726,000	932,950	(0)			2,108,185
2	Huyện Vĩnh Cửu	344,500	206,860	99,700	107,160	396,110			652,423
3	Huyện Trảng Bom	734,400	571,852	434,800	137,052	112,659			755,668
4	Huyện Thống Nhất	127,400	81,790	45,600	36,190	483,148			566,489
5	Huyện Định Quán	164,000	82,738	23,400	59,338	763,068			885,805
6	Huyện Tân Phú	83,270	44,382	16,370	28,012	762,618			807,000
7	Thị xã Long Khánh	194,830	102,289	43,280	59,009	521,097			640,775
8	Huyện Xuân Lộc	244,600	158,366	98,300	60,066	628,938			815,718
9	Huyện Cẩm Mỹ	125,020	85,413	56,940	28,473	616,830			702,243
10	Huyện Long Thành	564,550	306,233	87,800	218,433	208,142			662,256
11	Huyện Nhơn Trạch	473,100	242,334	62,700	179,634	241,943			614,834

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 43/CK-NSNN



**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO
NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2019**

Đính kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	549,551	469,551	80,000	-
1	Thành phố Biên Hòa	166,034	166,034		
2	Huyện Vĩnh Cửu	63,000	23,000	40,000	
3	Huyện Trảng Bom	22,248	22,248		
4	Huyện Thống Nhất	48,175	48,175		
5	Huyện Định Quán	63,000	23,000	40,000	
6	Huyện Tân Phú	23,000	23,000		
7	Thị xã Long Khánh	34,217	34,217		
8	Huyện Xuân Lộc	20,000	20,000		
9	Huyện Cẩm Mỹ	25,347	25,347		
10	Huyện Long Thành	50,628	50,628		
11	Huyện Nhơn Trạch	33,902	33,902		



ĐỀ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

(Đính kèm công văn số 3658/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



Digitally signed
by Vn phòng y
ban nhân dân
Date: 2018.12.28
11:02:28

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4620**/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **27** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách Nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7714/STC-NSNN ngày 24/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019 (*Các phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu : VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 46/CK-NSNN

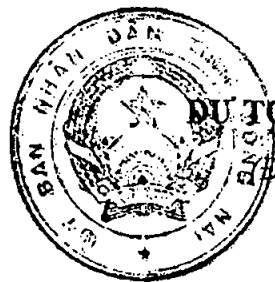


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Kèm Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	27,656,851
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	20,625,921
1	Thu NSDP được hưởng 100%	6,630,787
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	13,995,134
II	Thu bổ sung từ NSTW	7,030,930
1	Thu bổ sung cân đối	-
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7,030,930
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-
IV	Thu kết dư	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Thu bội chi ngân sách	
B	TỔNG CHI NSDP	20,625,921
I	Tổng chi cân đối NSDP	20,625,921
1	Chi đầu tư phát triển	6,978,860
2	Chi thường xuyên	12,143,108
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	70,000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910
5	Dự phòng ngân sách	419,960
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,011,083
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	-
1	Vay để bù đắp bội chi	
2	Vay để trả nợ gốc	



**CÂN ĐỔI NGUỒN THU, CHI
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019**

(Đính kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	
I	Nguồn thu ngân sách	22,360,007
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15,329,077
2	Thu bổ sung từ NSTW	7,030,930
-	Thu bổ sung cân đối	-
-	Thu bổ sung có mục tiêu	7,030,930
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-
4	Thu kết dư	-
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	Chi ngân sách	22,360,007
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	17,075,904
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	5,284,103
-	Chi bổ sung cân đối	4,734,552
-	Chi bổ sung có mục tiêu	549,551
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	
B	NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)	
I	Nguồn thu ngân sách	10,580,947
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	5,296,844
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	5,284,103
-	Thu bổ sung cân đối	4,734,552
-	Thu bổ sung có mục tiêu	549,551
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
II	Chi ngân sách	10,580,947
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	10,580,947
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	
-	Thu bổ sung cân đối	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 48/CK-NSNN



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	54,291,000	20,625,921
I	Thu nội địa	37,191,000	20,625,921
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	2,580,000	1,420,360
-	Thuế giá trị gia tăng	1,324,400	622,468
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	600	282
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	863,000	405,610
-	Thuế tài nguyên	392,000	392,000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	2,692,000	1,291,740
-	Thuế giá trị gia tăng	815,000	383,050
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1,177,000	553,190
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	650,000	305,500
-	Thuế tài nguyên	50,000	50,000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14,179,000	6,665,435
-	Thuế giá trị gia tăng	4,458,000	2,095,260
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	350,000	160,505
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,361,000	4,399,670
-	Thuế tài nguyên	10,000	10,000
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước		-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,872,000	2,337,540
-	Thuế giá trị gia tăng	3,247,000	1,526,090
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	35,000	16,450
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000	705,000
-	Thuế tài nguyên	90,000	90,000
5	Thuế thu nhập cá nhân	5,800,000	2,726,000
6	Thuế bảo vệ môi trường	510,000	89,159
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
7	Lệ phí trước bạ	1,280,000	1,280,000
8	Thu phí, lệ phí	500,000	320,000
-	Phí và lệ phí trung ương		
-	Phí và lệ phí địa phương		
-	Phí và lệ phí huyện		
-	Phí và lệ phí xã, phường		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	62,000	62,000
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	600,000	600,000
12	Thu tiền sử dụng đất	1,500,000	1,500,000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,485,000	1,485,000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180,000	163,900
16	Thu khác ngân sách	750,000	483,787
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1,000	1,000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	200,000	200,000
II	Thu từ dầu thô	-	
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17,100,000	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	14,200,000	
2	Thuế xuất khẩu	80,000	
3	Thuế nhập khẩu	2,545,000	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	160,000	
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	115,000	
6	Thu khác		
IV	Thu viện trợ		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 49/CK-NSNN



**ĐIỀU TOÀN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ
CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**

(Đính kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27 / 12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20,625,921	10,044,975	10,580,946
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20,625,921	10,044,975	10,580,946
I	Chi đầu tư phát triển	6,978,860	4,249,653	2,729,207
1	Chi đầu tư cho các dự án	-		
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1,500,000	600,000	900,000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1,485,000	1,015,449	469,551
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
4	Bội chi ngân sách	-		
II	Chi thường xuyên	12,143,108	4,649,920	7,493,188
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5,172,849	1,495,404	3,677,445
2	Chi khoa học và công nghệ	110,563	110,563	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	70,000	70,000	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	
V	Dự phòng ngân sách	419,960	204,942	215,018
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,011,083	867,550	143,533
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-

STT	NỘI DUNG	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
I	Chỉ các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	-		
II	Chỉ các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC

(Đính kèm Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	TỔNG CHI NSDP	14,779,527
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	4,734,552
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	10,044,975
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	4,249,653
II	Chi thường xuyên	4,649,920
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,495,404
2	Chi khoa học và công nghệ	110,563
3	Chi y tế, dân số và gia đình	886,569
4	Chi văn hóa thông tin	97,810
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	79,760
7	Chi bảo vệ môi trường	169,670
8	Chi các hoạt động kinh tế	530,125
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	589,220
10	Chi bảo đảm xã hội	425,221
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	70,000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910
V	Dự phòng ngân sách	204,942
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	867,550
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-



TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 27 /12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	8
	TỔNG SỐ	11,079,425	-	4,649,920	70,000	2,910	204,942	867,550	-	-	-	5,284,103
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	4,649,920	-	4,649,920								
1	Văn phòng HĐND tỉnh			16,345								
2	Văn phòng UBND tỉnh			63,772								
3	Sở Tài chính			62,230								
4	Sở Kế hoạch Đầu tư			15,707								
5	Sở Nội vụ			67,589								
6	Sở Ngoại vụ			9,916								
7	Sở Thông tin Truyền thông			30,443								
8	Sở Khoa học Công nghệ			103,514								
9	Sở Công thương			45,506								
10	Sở Tài nguyên Môi trường			177,350								
11	Sở Tư pháp			17,967								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
12	Sở Nông nghiệp PTNT			226,630								
13	Sở Giao thông vận tải			165,172								
14	Sở Y tế			608,046								
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			203,454								
16	Sở Xây dựng			67,980								
17	Sở Lao động TBXH			544,445								
18	Sở Giáo dục đào tạo			1,100,003								
19	Thanh tra tỉnh			10,209								
20	Công an tỉnh			45,600								
21	Cảnh sát PCCC			-								
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh			127,213								
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh			29,578								
24	Đại học Đồng Nai			82,061								
25	Trường Chính trị tỉnh			23,798								
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai			-								
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai			22,786								
28	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai			28,104								
29	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao			19,841								
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh			280,000								
31	Nhà thiếu nhi tỉnh			3,991								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
32	Ban Quản lý các KCN			21,320								
33	Ban Quản lý KCN CNSH			33,488								
34	Ban Dân tộc			16,249								
35	Tỉnh Ủy			105,000								
36	Hội chữ thập đỏ			3,572								
37	Hội người mù			1,235								
38	Hội cựu thanh niên xung phong			1,399								
39	Hội nạn nhân chất độc da cam			852								
40	Hội người cao tuổi			1,124								
41	Hội chiến sĩ cánh mạng bị địch bắt, tù đầy			1,586								
42	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ			-								
43	UBMT Tổ quốc tỉnh			10,573								
44	Tỉnh đoàn			13,204								
45	Hội phụ nữ			7,203								
46	Hội nông dân			9,685								
47	Hội cựu chiến binh			5,429								
48	Hội nhà báo			960								
49	Hội văn học nghệ thuật			3,530								
50	Liên minh Hợp tác xã			9,898								
51	Hội Luật gia			709								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
52	Liên hiệp các hội KHKT			14,781								
53	Hội khuyến học			1,904								
54	Hội sinh viên			1,332								
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị			4,648								
56	Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên			7,000								
57	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa tỉnh			63,483								
58	Nhà xuất bản Đồng Nai			3,500								
59	Dự phòng			-								
60	CHI KHÁC			107,006								
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	70,000			70,000							
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	2,910				2,910						
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	204,942					204,942					
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	867,550						867,550				
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	5,284,103										5,284,103
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-										



TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÁN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9		10		11	13
	TỔNG SỐ	2,058,583	263,500	172,000	64,800	290,770	243,000	-	-	-	290,884	190,000	409,700	125,500	8,429
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1,258,604	-	121,900	500	100,470	200,000	-	-	-	264,884	100,000	409,700	53,000	8,150
-	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)										30,000				
-	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng										6,327				
-	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (hạng mục phát sinh)										1,500				
-	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc										16,057				
-	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)										70,000				
-	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Càng , huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)										21,000				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG.	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
-	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc) - đoạn Km0-Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000											100,000				
-	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả BTGPMB)											20,000				
-	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường														25,000	
-	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai														28,000	
-	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh													4,800		
-	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB và triển khai thi công Đoạn 3)													50,000		
-	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)													110,000		
-	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch													5,400		
-	Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom													26,500		
-	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành													100,000		
-	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư													70,000		
-	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh													5,000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÁN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TU
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
-	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ												16,000		
-	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh												5,000		
-	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú												12,000		
-	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú												5,000		
-	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)											100,000			
-	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ				500										
	Xây dựng khoa sơ sinh bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai					5,000									
	Trạm Y tế xã Nhân Nghĩa - huyện Cẩm Mỹ					5,200									
	Trạm Y tế xã Phú Bình - huyện Tân Phú					3,770									
	Trạm Y tế xã Lang Minh - huyện Xuân Lộc					7,000									
	Trạm Y tế xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch					3,900									
	Trạm Y tế xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu					4,700									
	Trạm Y tế xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu					4,500									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Trạm Y tế xã Phú Tân - huyện Định Quán					5,200										
	Trạm Y tế xã Trung Hòa - huyện Trảng Bom					6,400										
	Trạm Y tế xã Bầu Sen - thị xã Long Khánh					4,800										
	Trạm Y tế xã La Ngà - huyện Định Quán					5,000										
	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú					5,000										
	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu					5,000										
	Trạm Y tế xã Tân Hạnh - Tp. Biên Hòa					5,000										
	Trạm Y tế xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc					5,000										
	Trạm Y tế xã Thanh Bình - huyện Trảng Bom					5,000										
	Trạm Y tế xã Tà Lài - huyện Tân Phú					5,000										
	Trạm Y tế xã Long Thọ - Nhơn Trạch					5,000										
	Trạm y tế xã Thanh Sơn huyện Định Quán					5,000										
	Trạm Y tế xã Bào Vinh - thị xã Long Khánh					5,000										
	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An			5,500												
	Xây dựng Trường THPT Lê Hồng Phong			4,000												
	Dự án đầu tư thi điểm trường học tiên tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020			56,000												
	Khởi lập học 12 phòng và 3 phòng học chức năng, sửa chữa trường THPT Trĩ An			5,000												
	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Phú Ngọc, huyện Định Quán			22,000												
	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường chính trị tỉnh Đồng Nai			400												

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÁN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
	Dự án xây dựng mới 12 phòng học Trường trung học phổ thông Long Phước, huyện Long Thành			3,500											
	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Long Khánh thành Trường THPT chuyên Long Khánh			10,500											
	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu			15,000											
	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai						160,000								
	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)						40,000								
	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên														800
	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên														800
	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi, huyện Định Quán														500
	Trạm xử lý nước thải 2000 m3/ ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai														500
	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu														500
	Nạo vét Suối Sân Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai														1,000
	Dự án Trụ sở làm việc Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh và Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (NST 50% chi phí xây lắp + thiết bị)														500
	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)														500
	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa														250

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG.	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÁN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Xây dựng Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa tỉnh															500
	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú															500
	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch															300
	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa															400
	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,															300
	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa															200
	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa															300
	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú															100
	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu															100
	Trạm Y tế xã Bào Quang - thị xã Long Khánh															100
2	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	30,250	-	.	.	.	.	.	.	.	.	26,000	3,500	-	700	50
-	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam											1,000				
-	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bia di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC											25,000				
-	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn														700	
-	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu (hạng mục phát sinh)												3,500			
	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng															50
3	Sở Nội vụ	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000	-
	Dự án xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh														15,000	
4	Sở Y tế	29,000	-	-	-	29,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẢN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG.	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
	Dự án Chân đoán nhanh và sơ cấp cứu cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)					29,000									
5	Tỉnh Đoàn Đồng Nai	9,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,000	-
	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai													9,000	
6	Sở Thông tin Truyền thông	31,600	-	-	31,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai				3,600										
	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh				16,000										
	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2				12,000										
7	Hội nông dân tỉnh	7,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,800	-
	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh													7,800	
8	Ban Tôn giáo Tỉnh ủy	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	-
	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo													5,000	
9	Sở Lao động Thương binh Xã hội	44,000	-	19,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25,000	-
	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội													25,000	
	Nâng cao chất lượng dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (trong đó có vốn của 02 trường là 1,2 tỷ đồng).			19,000											
10	Báo Đồng Nai	10,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,000	-
	Dự án Xây mới Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai													10,000	
11	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh	8,000	-	-	-	-	8,000	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Xây dựng Nhà ở vận động viên và cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh						8,000									
12	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	5,000	-	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án nâng cấp xưởng thực hành và xây dựng 08 phòng học Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai (Ngân sách tỉnh 5 tỷ + kinh phí Trường 3 tỷ) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)			5,000												
13	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	68,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	68,500	-	-	100	
	Trạm bơm Đắc Lua											500				
	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109,503											30,000				
	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc (kể cả hạng mục phát sinh)											15,000				
	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới											11,000				
	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng											12,000				
	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An														100	
14	Chi cục Thủy lợi	18,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,000	-	-	-	
	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)											18,000				
15	Công an tỉnh	179,000	179,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiểu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho CS PCCC)		3,000													

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẢN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng		
	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh		9,000												
	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)		160,000												
	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhơn Trạch (tính 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)		7,000												
16	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	84,629	84,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129
	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (hạng mục phát sinh)		4,500												
	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh		65,000												
	Dự án Nhà làm việc, nhà phục vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai		15,000												
	Dự án xây dựng bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai														129
17	Sở Khoa học và công nghệ	28,000	-	-	28,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)				28,000										
18	Văn phòng Tỉnh ủy	4,700	-	-	4,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN				3,500										
	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai				1,200										
19	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	120,000	-	-	-	120,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối điều trị bệnh viện Thống Nhất					120,000									
20	Ban bản vệ sức khỏe	6,700	-	-	-	6,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG,	LẬP CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
											Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Dự án Trang thiết bị phục hồi chức năng vật lý trị liệu của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh					6,700										
21	Bệnh viện Đa liễu Đồng Nai	16,000	-	-	-	16,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Đa liễu Đồng Nai					16,000										
22	Bệnh viện Quân y 7B	18,600	-	-	-	18,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện 7B					11,600										
	Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng của Bệnh viện quân y 7B					7,000										
23	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	5,170	-	5,170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)			5,170												
24	Trường Đại học Đồng Nai	20,930	-	20,930	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Khởi tiêu học và mầm non của trường Phổ thông thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai			17,000												
	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học Đồng Nai			3,930												
25	Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai	35,000	-	-	-	-	35,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho studio ca nhạc 108 m2 (5 tỷ sự nghiệp phát triển của Đài PTTH + 15 tỷ ngân sách)						15,000									
	Trang thiết bị hệ thống camera, thiết bị sản xuất chương trình cho nhà hát truyền hình 400 chỗ ngồi (5 tỷ sự nghiệp phát triển của Đài PTTH + 20 tỷ ngân sách)						20,000									



CHI THUỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 27 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	4,649,920	148,955	1,495,404	110,563	886,569	97,810	79,670	169,670	530,126	589,220	425,221	116,712
1	Văn phòng HĐND tỉnh	16,345									16,345		
2	Văn phòng UBND tỉnh	63,772					10,494		4,582		45,743		2,953
3	Sở Tài chính	62,230								40,000	22,230		
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	15,707		473						2,000	13,043		191
5	Sở Nội vụ	67,589		17,222							50,367		
6	Sở Ngoại vụ	9,916		1,075							8,841		
7	Sở Thông tin Truyền thông	30,443							200	23,977	6,266		
8	Sở Khoa học Công nghệ	103,514		21,110	74,476						7,928		
9	Sở Công thương	45,506							3,676	27,004	14,826		
10	Sở Tài nguyên Môi trường	177,350							141,055	17,447	18,848		
11	Sở Tư pháp	17,967									12,592		5,375
12	Sở Nông nghiệp PTNT	226,630								176,184	50,446		
13	Sở Giao thông vận tải	165,172								145,937	19,235		
14	Sở Y tế	608,046		13,728		576,991			1,917		15,410		
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	203,454		47,404			67,230	79,670	100		9,050		
16	Sở Xây dựng	67,980								52,679	15,301		
17	Sở Lao động TBXH	544,445		105,609							13,615	425,221	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TÍN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI KHÁC
18	Sở Giáo dục đào tạo	1,100,003		1,088,704							11,299		
19	Thanh tra tỉnh	10,209									10,209		
20	Công an tỉnh	45,600	41,300	700					3,600				
21	Cảnh sát PCCC	-											
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	127,213	107,655	19,558									
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh	29,578				29,578							
24	Đại học Đồng Nai	82,061		82,061									
25	Trường Chính trị tỉnh	23,798		23,798									
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai	-											
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	22,786		22,786									
28	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	28,104		28,104									
29	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	19,841		19,841									
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh	280,000				280,000							
31	Nhà thiếu nhi tỉnh	3,991					3,991						
32	Ban Quản lý các KCN	21,320		3,231					1,550		15,352		1,188
33	Ban Quản lý KCN CNSH	33,488			29,707						3,781		
34	Ban Dân tộc	16,249									16,249		
35	Tỉnh Ủy	105,000									105,000		
36	Hội chữ thập đỏ	3,572									3,572		
37	Hội người mù	1,235									1,235		
38	Hội cựu thanh niên xung phong	1,399									1,399		
39	Hội nạn nhân chất độc da cam	852									852		
40	Hội người cao tuổi	1,124									1,124		
41	Hội chiến sĩ cánh mạng bị địch bắt, tù đày	1,586									1,586		
42	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ	-											
43	UBMT Tổ quốc tỉnh	10,573									10,573		
44	Tỉnh đoàn	13,204									13,204		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TÍN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
45	Hội phụ nữ	7,203									7,203		
46	Hội nông dân	9,685									9,685		
47	Hội cựu chiến binh	5,429									5,429		
48	Hội nhà báo	960									960		
49	Hội văn học nghệ thuật	3,530									3,530		
50	Liên minh Hợp tác xã	9,898									9,898		
51	Hội Luật gia	709									709		
52	Liên hiệp các hội KHKT	14,781			6,380						8,401		
53	Hội khuyến học	1,904									1,904		
54	Hội sinh viên	1,332									1,332		
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4,648									4,648		
56	Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên	7,000					7,000						
57	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa tỉnh	63,483					5,595		12,990	44,898			
58	Nhà xuất bản Đồng Nai	3,500					3,500						
59	Dự phòng	-											
60	CHI KHÁC	107,006											107,006



TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA

Đính kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chia theo sắc thuế							Tiền sử dụng đất	Lệ phí trước bạ	Phí, lệ phí	Tiền thuê mặt đất, mặt nước
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế Tiêu thụ đặc biệt từ hàng nội địa	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thành phố Biên Hòa	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
2	Thị xã Long Khánh	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
3	Huyện Xuân Lộc	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
4	Huyện Cẩm Mỹ	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
5	Huyện Tân Phú	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
6	Huyện Định Quán	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
7	Huyện Thống Nhất	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
8	Huyện Trảng Bom	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
9	Huyện Vĩnh Cửu	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
10	Huyện Long Thành	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
11	Huyện Nhơn Trạch	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100



**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2019**

(Đính kèm Quyết định số 4626 /QĐ-UBND ngày 27 /12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện hưởng theo			Huyện hưởng từ nhiệm vụ tỉnh thu			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp			Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			
				Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia		Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia		Cân đối	Có mục tiêu		
A	B	I	2	3	4				5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	5,885,670	3,541,205	1,694,890	1,846,315	855,639	26,080	829,559	5,284,103	4,734,552	549,551	900,000	9,211,396
1	Thành phố Biên Hòa	2,830,000	1,658,950	726,000	932,950	449,236	19,280	429,956	166,034	(0)	166,034	390,000	2,108,185
2	Huyện Vĩnh Cửu	344,500	206,860	99,700	107,160	9,453	100	9,353	459,110	396,110	63,000	42,000	652,423
3	Huyện Trảng Bom	734,400	571,852	434,800	137,052	71,157	46	71,111	134,907	112,659	22,248	120,000	755,668
4	Huyện Thống Nhất	127,400	81,790	45,600	36,190	1,551	-	1,551	531,323	483,148	48,175	37,800	566,489
5	Huyện Định Quán	164,000	82,738	23,400	59,338	-	-	-	826,068	763,068	63,000	9,000	885,805
6	Huyện Tân Phú	83,270	44,382	16,370	28,012	-	-	-	785,618	762,618	23,000	3,600	807,000
7	Thị xã Long Khánh	194,830	102,289	43,280	59,009	17,390	-	17,390	555,314	521,097	34,217	36,000	640,775
8	Huyện Xuân Lộc	244,600	158,366	98,300	60,066	28,414	26	28,388	648,938	628,938	20,000	12,600	815,718
9	Huyện Cẩm Mỹ	125,020	85,413	56,940	28,473	-	-	-	642,177	616,830	25,347	3,600	702,243
10	Huyện Long Thành	564,550	306,233	87,800	218,433	147,881	6,590	141,291	258,770	208,142	50,628	125,400	662,256
11	Huyện Nhơn Trạch	473,100	242,334	62,700	179,634	130,557	38	130,519	275,844	241,943	33,902	120,000	614,834



**ĐỀ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2019**

Đính kèm Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 27 /12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
A	B	I=2+3	2	3
	TỔNG SỐ	5,284,103	4,734,552	549,551
1	Thành phố Biên Hòa	166,034	(0)	166,034
2	Thị xã Long Khánh	459,110	396,110	63,000
3	Huyện Xuân Lộc	134,907	112,659	22,248
4	Huyện Cẩm Mỹ	531,323	483,148	48,175
5	Huyện Tân Phú	826,068	763,068	63,000
6	Huyện Định Quán	785,618	762,618	23,000
7	Huyện Thống Nhất	555,314	521,097	34,217
8	Huyện Trảng Bom	648,938	628,938	20,000
9	Huyện Vĩnh Cửu	642,177	616,830	25,347
10	Huyện Long Thành	258,770	208,142	50,628
11	Huyện Nhơn Trạch	275,844	241,943	33,902

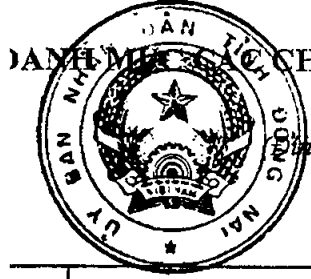


TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27 /2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia ...						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2	3	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ	7,030,930	7,025,930	5,000							
I	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGUỒN NSTW	7,030,930	7,025,930	5,000							
1	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các vùng	35,930	35,930	-							
1.1	Dự án đường hương lộ 10 từ ranh giới huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ đến vị trí giao với đường tỉnh ĐT 769 (đoạn 2)	35,930	35,930								
2	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	5,000		5,000							
2.1	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020	5,000		5,000							
II	NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ										
	Dự án quan trọng quốc gia	6,990,000	6,990,000								
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	6,990,000	6,990,000								



CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Kèm Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
A	B	1	2	3	17	18	19	20
	Tổng số							3,104,054
	Nguồn Ngân sách tập trung							2,208,605
A	Thực hiện dự án							1,987,390
1	Giao thông							598,979
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2019							1,000
1	Dự án cải tạo đường Hùng vương – thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng) ngân sách tỉnh 50%	LK		2019-2023				1,000
b	Công trình chuyển tiếp qua 2019							389,979
1	Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa- chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bằng nguồn ngân sách huyện khoảng 22,264 tỷ đồng)	TB		2017-2019				4,600
2	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)	NT		2017-2020				30,000
3	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)	TP		2017-2020				40,000
4	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	LT - BH		2017-2020				6,327
5	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (hạng mục phát sinh)	BH		2017-2021				1,500
6	Đường Chu Văn An, Thống Nhất - Định Quán (đường liên huyện - giai đoạn 3; ngân sách huyện chi BTGPMB)	ĐQ		2017-2019				5,000
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc	NT		2017-2020				16,057
8	Đường Long Giao - Báo Bình, huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB khoảng 2,0 tỷ đồng)	CM		2017-2020				40,000
9	Đường song hành quốc lộ 1A đoạn tránh ngã tư Amata (Ngân sách thành phố thực hiện BTGPMB khoảng 2,345 tỷ đồng)	BH		2017-2019				2,095
10	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A (NSH thực hiện BTGPMB khoảng 3,912 tỷ đồng)	XL		2017-2019				19,000
11	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT		2018-2022				70,000
12	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK		2018-2020				22,000
13	Dự án xây dựng 01 cầu trên đường vào Khu ủy Miền Đông huyện Vĩnh Cửu	VC		2018-2020				1,400

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
14	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam	VC		2018-2020				1,000
15	Dự án Xây dựng mới cầu Tà Lài, xã Tà Lài huyện Tân Phú	TP		2018-2020				8,000
16	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL		2018-2022				20,000
17	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	ĐQ		2018-2020				21,000
18	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp khoảng 37 tỷ)	BH		2018-2022				17,000
19	Dự án Nâng cấp đường vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% xây lắp 22,5 tỷ đồng)	ĐQ		2017-2020				10,000
20	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bìa di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC	VC		2018-2020				25,000
21	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (triển khai giai đoạn 2, gồm 04 tuyến đường, NSH thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 110 tỷ đồng)	LT		2017-2021				25,000
22	Dự án đường dẫn sinh và mương thoát lũ dọc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB khoảng 3,0 tỷ đồng)	CM		2018-2020				5,000
c	Công trình khởi công mới năm 2019							208,000
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng	TB		2018-2020				15,000
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN		2018-2023				40,000
3	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc) - đoạn Km0-Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000	XL-ĐQ		2019-2023				100,000
4	Dự án xây dựng mới Cầu Mít trên đường Hương lộ 12, huyện Nhơn Trạch (NSH thực hiện bồi thường)	NT		2019-2021				8,000
5	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả BTGPMB)	NT		2019-2022				20,000
6	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK		2018-2022				25,000
II	Quản lý nhà nước							146,000
a	Công trình chuyển tiếp năm 2019							146,000
1	Dự án xây Kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh	BH		2016-2019				15,000
2	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH		2017-2020				25,000
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn	VC		2017-2020				700
4	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai	BH		2017-2019				9,000
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh	BH		2017-2019				7,800
6	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai	BH		2018-2020				28,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
7	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo	BH		2018-2020				5,000
8	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH		2018-2022				25,000
9	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	NT		2018-2020				10,000
10	Dự án Xây mới Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai	BH		2018-2020				10,000
11	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện thành Trụ sở làm việc Huyện ủy Tân Phú	TP		2018-2020				10,500
III	Hạ tầng Công Cộng							502,700
a	Dự án chuyển tiếp 2019							480,700
1	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh	VC		2015-2019				4,800
2	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB và triển khai thi công Đoạn 3)	NT		2017-2021				50,000
3	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH - LT		2016-2020				110,000
4	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC		2017-2021				70,000
5	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT		2017-2020				5,400
6	Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	TB		2017-2020				26,500
7	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT		2017-2022				100,000
8	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH		theo tiến độ Hiệp định				70,000
9	Dự án hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	VC		2018-2020				15,000
10	Hệ thống cấp nước tập trung áp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	LK		2018-2020				5,000
11	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ	CM		2018-2020				16,000
12	Dự án xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán	ĐQ		2018-2020				8,000
b	Công trình khởi công mới năm 2019							22,000
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK		2019-2021				5,000
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú	TP		2019-2021				12,000
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP		2019-2021				5,000
IV	Nông - Lâm - Thủy lợi							397,411
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình 2019							500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
1	Trạm bơm Đắc Lua	TP		2020-2024				500
b	Công trình chuyển tiếp 2019							294,911
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109,503 tỷ	ĐQ		2016-2020				30,000
2	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc (kể cả hạng mục phát sinh)	XL		2015-2019				15,000
3	Xây dựng mới trạm bơm Giang Điền huyện Tân Phú	TP		2017-2020				12,500
4	Tiêu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên xã Thanh Sơn huyện ĐQ	ĐQ		2017-2020				7,000
5	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK		2017-2020				6,552
6	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới	LT-CM		2017-2019				11,000
7	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH		2017-2021				100,000
8	Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị xã Long Khánh	LK		2016-2019				18,000
9	Xây dựng tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL		2018-2020				4,359
10	Dự án Nạo vét và gia cố bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LT		2018-2020				20,000
11	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN		2018-2020				15,000
12	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ		2018-2021				19,000
13	Thoát nước lũ xã Xuân Lập	LK		2018-2020				15,000
14	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu (hạng mục phát sinh)	VC		2019				3,500
15	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK		2018-2020				18,000
c	Công trình khởi công mới năm 2019							102,000
1	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK		2019-2022				20,000
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ		2017-2021				50,000
3	Nạo vét Rạch moi xã Bình Hoà (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	VC		2019-2021				15,000
4	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng	CM		2018-2020				12,000
5	Dự án Trạm bơm áp 4 xã Tả Lải huyện Tân Phú	TP		2019-2021				5,000
V	An ninh quốc phòng							277,500
a	Công trình chuyển tiếp 2019							270,500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tân Phú	TP		2015-2019				14,000
2	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (hạng mục phát sinh)	XL		2015-2019				4,500
3	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiểu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho CS PCCC)	BH		2017-2019				3,000
4	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh	BH		2017-2019				9,000
5	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	VC		2017-2020				65,000
6	Dự án Nhà làm việc, nhà phục vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	BH		2018-2020				15,000
7	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH		2018-2022				160,000
b	Công trình khởi công mới năm 2019							7,000
1	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhơn Trạch (tính 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)	NT		2018-2020				7,000
VI	Khoa học công nghệ							64,800
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình 2019							500
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chỉ cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH		2017-2019				500
a	Công trình chuyển tiếp 2019							32,700
1	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)	CM		2017-2021				28,000
2	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	BH		2018-2020				3,500
3	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai	BH		2018-2020				1,200
b	Công trình khởi công mới năm 2019							31,600
1	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai	BH		2018-2020				3,600
2	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh	BH		2018-2020				16,000
3	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2	BH		2019-2022				12,000
B	Bố trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư							9,600
I	Các dự án được phê duyệt dự án đầu tư							9,600
1	Các dự án phê duyệt dự án đầu tư							7,600
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT		2020-2024				800

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB		2020-2024				800
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi, huyện Định Quán	ĐQ		2019-2021				500
4	Trạm xử lý nước thải 2000 m ³ / ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM		2019-2021				500
5	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	VC		2019-2021				500
6	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH		2018-2022				1,000
7	Đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú kết hợp bờ bao tránh lũ	TP		Tối đa 3 năm				100
8	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc			2020-2024				800
9	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An	LT		2019-2021				100
10	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)	BH		2018-2022				50
11	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC		2018-2020				50
12	Hồ Chứa nước Thoai Hương	CM		Tối đa 5 năm				100
13	Dự án Trụ sở làm việc Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh và Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (NST 50% chi phí xây lắp + thiết bị)	BH		2018-2021				500
14	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL		2020-2024				800
15	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)	BH		2019-2023				500
16	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT		2020-2024				500
II	Bố trí lập hồ sơ chủ trương đầu tư							2,000
C	Chưa phân bổ chi tiết (dự kiến bố trí để đẩy nhanh tiến độ nhưng chưa được cấp thẩm quyền điều chỉnh trung hạn)							93,562
D	Nguồn vốn Dự phòng thanh toán đối với các dự án phê duyệt dự toán bồi thường trong năm 2018 và năm 2019							98,053
E	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch							20,000
	Nguồn Xổ số kiến thiết							895,449
A	Thực hiện dự án							854,640
I	Y tế							290,770
a	Công trình chuyển tiếp sang năm 2019							189,070
1	Xây dựng khoa sơ sinh bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH		2016-2020				5,000
2	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	BH		2017-2021				120,000
3	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện 7B	BH		2017-2019				11,600
4	Trạm Y tế xã Nhân Nghĩa - huyện Cẩm Mỹ	CM		2018-2020				5,200
5	Trạm Y tế xã Phú Bình - huyện Tân Phú	TP		2018-2020				3,770
6	Trạm Y tế xã Lang Minh - huyện Xuân Lộc	XL		2018-2020				7,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
7	Trạm Y tế xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch	NT		2018-2020				3,900
8	Trạm Y tế xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu	VC		2018-2010				4,700
9	Trạm Y tế xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu	VC		2018-2020				4,500
10	Trạm Y tế xã Phú Tân - huyện Định Quán	ĐQ		2018-2020				5,200
11	Trạm Y tế xã Trung Hòa - huyện Trảng Bom	TB		2018-2020				6,400
12	Trạm Y tế xã Bàu Sen - thị xã Long Khánh	LK		2018-2020				4,800
13	Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng của Bệnh viện quân y 7B	BH		2018-2020				7,000
b	Công trình khởi công mới năm 2019							101,700
1	Trạm Y tế xã La Ngà - huyện Định Quán	ĐQ		2019-2021				5,000
2	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú	TP		2019-2021				5,000
3	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC		2019-2021				5,000
4	Trạm Y tế xã Tân Hạnh - Tp. Biên Hòa	BH		2019-2021				5,000
5	Trạm Y tế xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc	XL		2019-2021				5,000
6	Trạm Y tế xã Thanh Bình - huyện Trảng Bom	TB		2019-2021				5,000
7	Trạm Y tế xã Tà Lài - huyện Tân Phú	TP		2019-2021				5,000
8	Trạm Y tế xã Long Thọ - Nhơn Trạch	NT		2019-2021				5,000
9	Trạm y tế xã Thanh Sơn huyện Định Quán	ĐQ		2019-2021				5,000
10	Trạm Y tế xã Bào Vinh - thị xã Long Khánh	LK		2019-2021				5,000
11	Dự án Chẩn đoán nhanh và sơ cấp cứu cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN		tối đa 03 năm				29,000
12	Dự án Trang thiết bị phục hồi chức năng vật lý trị liệu của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	BH		2019-2021				6,700
13	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	BH		tối đa 03 năm				16,000
II	Giáo dục - đào tạo							172,000
b	Công trình chuyển tiếp năm 2019							152,000
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH		2016-2019				5,500
2	Xây dựng Trường THPT Lê Hồng Phong	BH		2016-2018				4,000
3	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)	TB		đến 2020				5,170
4	Dự án đầu tư thi điểm trường học tiên tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020	ĐN		2017-2021				56,000
5	Khởi tiêu học và mầm non của trường Phổ thông thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	BH		2017-2021				17,000
6	Khởi lớp học 12 phòng và 3 phòng học chức năng, sửa chữa trường THPT Trĩ An	VC		2017-2019				5,000
7	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Phú Ngọc, huyện Định Quán	ĐQ		2018-2020				22,000
8	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường chính trị tỉnh Đồng Nai	BH		2018-2020				400
9	Dự án xây dựng mới 12 phòng học Trường trung học phổ thông Long Phước, huyện Long Thành	LT		2018-2020				3,500
10	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Long Khánh thành Trường THPT chuyên Long Khánh	LK		2018-2020				10,500
11	Nâng cao chất lượng dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (trong đó có vốn của 02 trường là 1,2 tỷ đồng).	BH		2017-2021				19,000
12	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học Đồng Nai	BH		2018-2020				3,930
c	Công trình khởi công mới năm 2019							20,000
1	Dự án nâng cấp xưởng thực hành và xây dựng 08 phòng học Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai (Ngân sách tỉnh 5 tỷ + kinh phí Trường 3 tỷ) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LT		tối đa 03 năm				5,000
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC		2019-2022				15,000
III	Văn hóa xã hội							321,000
a	Công trình chuyển tiếp năm 2019							178,000
1	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK		2017-2021				10,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
2	Xây dựng Nhà ở vận động viên và cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh	BH		2018-2020				8,000
3	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL		2018-2022				160,000
b	Công trình khởi công mới năm 2019							143,000
1	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho studio ca nhạc 108 m ² (5 tỷ sự nghiệp phát triển của Đài PTTH + 15 tỷ ngân sách)	BH		2018-2020				15,000
2	Trang thiết bị hệ thống camera, thiết bị sản xuất chương trình cho nhà hát truyền hình 400 chỗ ngồi (5 tỷ sự nghiệp phát triển của Đài PTTH + 20 tỷ ngân sách)	BH		2018-2020				20,000
3	Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục còn lại Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú (đã đầu tư 1 số hạng mục Nhà thi đấu, sân tennis, cổng tường rào), NST đầu tư xây lắp + thiết bị khoảng 40 tỷ, phần còn lại kêu gọi XHH (hồ bơi, sân bóng đá, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...)	TP		2018-2022				23,500
4	Đền thờ Liệt sỹ huyện Xuân Lộc (NST hỗ trợ các hạng mục chính của Đền thờ chính, bình phong, sân lễ+sân đền, đường vào chính, nhà Tả vu+Hữu vu, cổng+nhà bảo vệ, tường rào mặt chính, nhà quản đền+khâu vệ sinh, khoảng 17,38 tỷ đồng) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL		2018-2020				7,000
5	Xây dựng Nhà văn hóa dân tộc Mường huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ		tối đa 03 năm				8,500
6	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh (kể cả Bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK		2018-2021				29,000
7	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH		2018-2022				40,000
IV	Các dự án thuộc lĩnh vực khác							70,870
IV.1	Giao thông							18,870
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018							3,500
1	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TB		2019-2023				3,500
b	Công trình khởi công mới năm 2019							15,370
1	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL		tối đa 03 năm				7,370
2	Đường giao thông vào ấp Bàng Lãng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL		tối đa 3 năm				8,000
IV.2	Quản lý nhà nước							5,000
a	Công trình khởi công mới năm 2019							5,000
1	Dự án xây dựng hàng rào nhà tạm giữ Công an huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ		tối đa 03 năm				5,000
IV.3	Nông - Lâm - Thủy lợi							27,000
a	Công trình khởi công mới năm 2019							27,000
1	Dự án xây dựng Tuyến thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Dầu Giây huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN		tối đa 03 năm				20,000
2	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP		2019-2022				7,000
IV.4	An ninh - Quốc phòng							20,000
a	Công trình khởi công mới năm 2019							20,000
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ		tối đa 05 năm				20,000
B	Bố trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội							16,330

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2019			
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
C	Chưa phân bổ chi tiết (dự kiến bố trí để đẩy nhanh tiến độ nhưng chưa được cấp thẩm quyền điều chỉnh trung hạn)							19,500
D	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư							4,979
I	Các dự án phê duyệt dự án đầu tư							3,979
1	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH		2019-2021				250
2	Xây dựng Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa tỉnh	BH		2018-2022				500
3	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP		2019-2021				500
4	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT		2019-2021				300
5	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH		2019-2021				400
6	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH		2019-2021				300
7	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH		2019-2021				200
8	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH		2019-2021				300
9	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP		2019-2021				100
10	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC		2019-2021				100
11	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK		2019-2021				100
12	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK		tối đa 03 năm				800
13	Dự án xây dựng bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	BH		tối đa 3 năm				129
II	Bố trí vốn lập hồ sơ chủ trương đầu tư							1,000



Digitally signed
by Vn phòng y
ban nhân dân
Date: 2019.01.10
10:33:24 +07'00'

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **77** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **09** tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 15/STC-NSNN ngày 02/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017 (*Các phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu : VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng



CÂN ĐOẠI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Được Ban Quyết định số 77 /QĐ - UBND ngày 09 /01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SƠ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	17,724,905	27,553,081	155%
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	17,426,353	19,907,447	114%
-	Thu NSDP được hưởng 100%	4,120,500	8,373,541	203%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	13,305,853	11,533,906	87%
2	Thu bổ sung từ NSTW	298,552	285,188	96%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	91	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	4,530,337	
5	Thu kết dư	-	1,575,504	
6	Thu bổ sung từ nguồn ngân sách địa phương	-	-	
7	Các khoản thu quản lý qua ngân sách	-	126,688	
8	Thu huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8	-	679,483	
9	Thu viện trợ (không kể viện trợ về cho vay lại)	-	813	
10	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	-	447,530	
B	TỔNG CHI NSDP	-	24,007,009	
I	Chi NSDP	-	18,303,126	
1	Chi đầu tư phát triển	-	6,517,867	
2	Chi thường xuyên	-	11,261,497	
3	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	-	71,875	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	2,910	
5	Dự phòng ngân sách	-	-	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	
9	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	448,977	
10	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	-	-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	5,703,884	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP	-	3,546,072	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	-	690,823	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	-	690,823	
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	-	
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	-	-	
1	Vay để bù đắp bội chi	-	-	
2	Vay để trả nợ gốc	-	-	
E	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP	-	-	



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Đính kèm Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 09 /01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG			QUYẾT TOÁN		SO SÁNH	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+)	48,370,000	17,505,503	64,456,913	35,555,159	133%	203%
A	TỔNG THU NSNN	48,370,000	17,467,353	48,935,980	20,034,226	101%	115%
I	Thu nội địa	33,590,000	17,467,353	33,600,996	19,907,397	100%	114%
I	Thu từ khu vực DNNN	6,154,000	3,019,580	5,316,706	2,704,231	86%	90%
-	Thuế giá trị gia tăng	3,333,550	1,566,769	2,087,360	981,059	63%	63%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	3,333,550	1,566,769	2,087,360	981,059	63%	63%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	970,450	456,112	1,507,983	708,752	155%	155%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	970,450	456,112	1,507,983	708,752	155%	155%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,610,000	756,700	1,333,854	626,911	83%	83%
-	Thuế tài nguyên	240,000	240,000	387,509	387,509	161%	161%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	14,037,000	6,629,720	11,881,021	5,750,179	85%	87%
-	Thuế giá trị gia tăng	4,496,000	2,113,120	2,970,733	1,396,244	66%	66%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	4,496,000	2,113,120	2,970,733	1,396,244	66%	66%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	240,000	112,800	215,314	88,762	90%	79%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	240,000	112,800	215,314	88,762	90%	79%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,240,000	4,342,800	8,358,117	3,928,315	90%	90%
-	Thu tiền mặt đất, mặt nước, mặt biển	55,000	55,000	330,975	330,975	602%	602%
-	Thuế tài nguyên	6,000	6,000	5,883	5,883	98%	98%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,357,400	2,077,128	3,847,199	1,848,074	88%	89%
-	Thuế giá trị gia tăng	2,992,400	1,406,428	2,587,268	1,216,016	86%	86%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	2,992,400	1,406,428	2,587,268	1,216,016	86%	86%
+	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30,000	14,100	24,495	11,487	82%	81%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	30,000	14,100	24,495	11,487	82%	81%
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	-	-		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,280,000	601,600	1,160,124	545,258	91%	91%
-	Thuế tài nguyên	55,000	55,000	75,312	75,312	137%	137%
4	Thuế thu nhập cá nhân	4,200,000	1,974,000	4,207,658	1,977,599	100%	100%
5	Thuế BVMT do cơ quan thuế thực hiện	295,000	51,559	304,030	53,502	103%	104%
6	Lệ phí trước bạ	800,000	800,000	905,244	905,244	113%	113%
7	Thu phí, lệ phí	340,000	198,000	386,582	271,742	114%	137%
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	689	689		
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50,000	50,000	61,300	61,300	123%	123%
	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	-	293	293		

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN				SO SÁNH	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể thu từ khu vực đầu tư nước ngoài)	200,000	200,000	1,744,957	1,744,957	872%	872%
11	Thu tiền sử dụng đất	800,000	800,000	2,395,539	2,395,539	299%	299%
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	48,858	48,858		
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,316,000	1,316,000	1,627,241	1,627,241	124%	124%
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	170,000	69,366	95,756	95,756	56%	138%
15	Thu khác ngân sách	758,600	170,000	669,629	313,899	88%	185%
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-	-	-		
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	100,000	100,000	87,488	87,488	87%	87%
17	Thu tại xã	12,000	12,000	20,809	20,809	173%	173%
II	Thu từ đầu thô	-	-	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	14,788,000	-	3,920,519	50	27%	
1	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt từ lĩnh vực xuất khẩu	-	-	3,160,472	-	#DIV/0!	
2	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	71,524	-		
3	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	11,941,142	-	#DIV/0!	
4	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam	-	-	16,811	-		
5	Thu khác	-	-	17,442	50		
6	Hoàn thuế GTGT	-	-	(11,286,873)	-		
IV	Thu viện trợ	-	-	813	-		
V	Thu các khoản huy động, đóng góp	-	-	126,688	126,688		
VI	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	-	-	91	91		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	-	-	-	-		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	-	-	1,575,504	1,575,504		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	-	-	4,530,337	4,530,337		
E	Thu huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8	-	-	679,483	679,483		
F	Thu bổ sung từ các cấp ngân sách	-	38,150	8,735,609	8,735,609		
1	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	-	38,150	8,288,079	8,288,079		
2	Thu bổ sung từ ngân sách địa phương	-	-	-	-		
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	-	447,530	447,530		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017



(Đính kèm Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	BAO GỒM		QUYẾT TOÁN	BAO GỒM		SO SÁNH (%)		
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN		NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN	NSDP	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Tổng số chi ngân sách	19,914,982	9,727,891	10,187,091	24,250,303	12,315,544	11,934,758	122%	127%	117%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	19,914,982	9,727,891	10,187,091	18,543,497	8,478,405	10,065,092	93%	87%	99%
I	Chi đầu tư phát triển	7,190,658	4,136,821	3,053,837	6,517,867	3,555,854	2,962,013	91%	86%	97%
	Trong đó: - Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề				1,371,528	376,884	994,643			
	- Chi khoa học và công nghệ				57,641	57,641				
II	Chi thường xuyên	12,117,802	5,166,590	6,951,212	11,258,575	4,155,496	7,103,079	93%	80%	102%
	Trong đó: - Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	4,500,948	1,196,564	3,304,385	4,238,005	992,824	3,245,182	94%	83%	98%
	- Chi khoa học và công nghệ	102,180	102,180		89,008	87,171	1,837	87%	85%	
III	Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	255,082	255,082		762,698	762,698		299%	299%	
IV	Chi trả phí và vốn tạm ứng KBNN				-					
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ Tài chính	2,910	2,910		2,910	2,910		100%		
VI	Dự phòng	348,530	166,488	182,042	-	-				
VII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-			-	-				
VIII	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-	-	1,447	1,447				
IX	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				-					
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-	2,922	2,922	-			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	BAO GỒM		QUYẾT TOÁN	BAO GỒM		SO SÁNH (%)		
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN		NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN	NSDP	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-			
II	Chương trình 135	-			-					
III	Chương trình 134	-			-					
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		-	-	5,703,884	3,834,218	1,869,666			



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 65/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017

(Đính kèm Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	9,727,891	18,738,192	193%
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	-	6,422,647	
1	Bổ sung cân đối		4,465,055	
2	Bổ sung có mục tiêu		1,957,592	
	Tr.đó: + Bảng nguồn vốn trong nước			
	+ Bảng nguồn vốn vay nợ nước ngoài			
3	Bổ sung khác			
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	9,727,891	8,479,880	87%
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	4,136,821	3,555,854	86%
	Trong đó:			
1	Chi đầu tư cho các dự án		3,215,598	
	Trong đó:			
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		376,884	
1.2	Chi khoa học và công nghệ		57,641	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		310,822	
1.4	Chi văn hóa thông tin		65,466	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.6	Chi thể dục thể thao		22,612	
1.7	Chi bảo vệ môi trường		22,790	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		1,264,651	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		84,391	
1.10	Chi bảo đảm xã hội		10,284	
1.11	Chi đầu tư khác		903,503	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		340,256	
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	5,166,590	4,158,418	80%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,196,564	994,957	83%
2	Chi khoa học và công nghệ	102,180	87,171	85%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	891,508	656,211	74%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
4	Chi văn hóa, thể thao, du lịch	197,087	156,646	79%
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
6	Chi bảo vệ môi trường	249,448	142,780	57%
7	Chi các hoạt động kinh tế	949,373	649,666	68%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	609,782	519,575	85%
9	Chi bảo đảm xã hội	608,546	583,059	96%
10	Chi thường xuyên khác	158,735	214,957	
III	Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	255,082	762,698	299%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	100%
V	Dự phòng ngân sách	166,488		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VII	Chi phí trả tạm ứng KBNN			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		3,834,218	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		1,447	



ANH CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Biểu số 66/CK-NSNN

STT	Tên đơn vị	Dự toán									Quyết toán														Đơn vị: Triệu đồng								
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ chính quyền địa phương		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	So sánh (%)		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (%)	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	Bổ sung cơ sở	Bổ sung cơ sở							
					Lãi	Gốc		Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở				Lãi	Gốc		Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở				Lãi	Gốc					Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở					
					Lãi	Gốc		Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở				Lãi	Gốc		Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở				Lãi	Gốc					Bổ sung chi	Bổ sung cơ sở					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25=21/1	26=13/2	27=14/3	28=15/4	29=16/5	30=17/6	31=22/10	32=23/11
	TỔNG SỐ	9,727,891	4,948,927	5,166,590	70,000	439,464	2,910	4,465,055	2,134,380	18,738,192	3,555,854	4,155,494	71,875	498,823	2,910	2,922	-	2,922	3,834,218	2,719,576	1,114,641	1,957,592	4,465,955	1,447	193%	88%	80%	163%	157%	100%	44%	209%	
I	CÁC CƠ QUAN TÒ CHỨC	9,215,517	4,948,927	5,166,590	-	-	-	4,465,055	2,134,380	15,623,356	3,555,854	4,155,494	-	-	2,922	-	2,922	1,486,437	1,148,057	318,380	1,957,592	4,465,055	-	170%	88%	80%	-	-	-	44%	209%		
L1	Sở, Ban, ngành	8,824,202	2,340,386	5,093,914	-	-	-	-	-	6,987,649	1,775,651	3,984,638	-	-	2,922	-	2,922	1,224,438	909,950	314,488	-	-	-	-	87%	60%	78%	-	-	-	-	-	
1	Ban Bảo vệ - Chăm sóc Sức khỏe dân tộc	71,546	43,646	27,900	-	-	-	-	-	76,665	47,017	28,537	-	-	-	-	-	1,111	1,111	-	-	-	-	107%	108%	102%	-	-	-	-	-		
2	Ban Đại diện hội người cao tuổi tỉnh Đồng Nai	915	-	915	-	-	-	-	-	876	-	875	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	96%	-	96%	-	-	-	-	-		
3	Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai	18,824	344	10,380	-	-	-	-	-	9,137	236	8,871	-	-	-	-	-	31	31	-	-	-	-	84%	97%	84%	-	-	-	-	-		
4	Ban Liên lạc Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt và dây thép Đồng Nai	1,308	-	1,308	-	-	-	-	-	1,363	-	1,363	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104%	-	104%	-	-	-	-	-		
5	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai	19,192	-	19,192	-	-	-	-	-	17,157	-	16,416	-	-	-	-	-	741	741	-	-	-	-	89%	-	86%	-	-	-	-	-		
6	Ban Quản lý dự án các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và an ninh thực phẩm	-	-	-	-	-	-	-	-	738,146	-	25,336	-	-	-	-	-	712,809	712,809	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	259,476	188,982	70,494	-	-	-	-	-	157,645	85,637	22,246	-	-	-	-	-	49,682	49,682	-	-	-	-	61%	45%	32%	-	-	-	-	-		
8	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao sinh học tỉnh Đồng Nai	5,398	-	5,398	-	-	-	-	-	1,588	-	981	-	-	-	-	-	607	607	-	-	-	-	29%	-	18%	-	-	-	-	-		
9	Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai	369,861	-	369,861	-	-	-	-	-	369,861	-	369,861	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
10	Bệnh viện TB	746	200	546	-	-	-	-	-	546	-	546	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	73%	0%	100%	-	-	-	-	-		
11	Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2	1,249	-	1,249	-	-	-	-	-	1,249	-	1,249	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
12	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	196,928	80,572	116,356	-	-	-	-	-	198,786	65,619	125,910	-	-	-	-	-	7,257	7,257	-	-	-	-	101%	81%	108%	-	-	-	-	-		
13	Cảnh Sát Phòng cháy và Chấn cháy tỉnh Đồng Nai	37,564	33,000	14,564	-	-	-	-	-	30,559	13,023	14,564	-	-	-	-	-	2,972	2,972	-	-	-	-	81%	57%	100%	-	-	-	-	-		
14	Cao Văn Tấn	1	-	1	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
15	Cơ sở 2 - Trường Đại học Lâm nghiệp	218	-	218	-	-	-	-	-	218	-	218	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
16	Công an tỉnh Đồng Nai	94,928	7,859	89,069	-	-	-	-	-	78,431	9,006	36,105	-	-	-	-	-	33,321	33,321	-	-	-	-	81%	115%	41%	-	-	-	-	-		
17	Cục Hải Quan Đồng Nai	11,790	-	11,790	-	-	-	-	-	13,097	-	13,097	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	111%	-	111%	-	-	-	-	-		
18	Cục Thi bệnh án dân sự tỉnh	710	-	710	-	-	-	-	-	710	-	710	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
19	Cục Thống kê Đồng Nai	1,164	-	1,164	-	-	-	-	-	1,214	-	1,214	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104%	-	104%	-	-	-	-	-		
20	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	9,018	6	9,012	-	-	-	-	-	9,047	6	9,041	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%	100%	-	-	-	-	-		
21	Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai	46	-	46	-	-	-	-	-	46	-	46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
22	Đoàn Diễu hành Quốc hội tỉnh Đồng Nai	1,850	-	1,850	-	-	-	-	-	2,428	577	1,399	-	-	-	-	-	452	452	-	-	-	-	231%	-	76%	-	-	-	-	-		
23	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	3,050	-	3,050	-	-	-	-	-	3,201	-	3,048	-	-	-	-	-	154	154	-	-	-	-	103%	-	100%	-	-	-	-	-		
24	Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai	4,826	-	4,826	-	-	-	-	-	4,194	-	4,188	-	-	-	-	-	6	6	-	-	-	-	87%	-	87%	-	-	-	-	-		
25	Hội Cựu Thanh niên xung phong Đồng Nai	955	-	955	-	-	-	-	-	1,072	-	1,072	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	112%	-	112%	-	-	-	-	-		
26	Hội Nữ công nhân viên chức và cán bộ tỉnh Đồng Nai	130	-	130	-	-	-	-	-	130	-	130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	-	100%	-	-	-	-	-		
27	Hội Khuyến học tỉnh Đồng Nai	2,000	-	2,000	-	-	-	-	-	1,961	-	1,961	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98%	-	98%	-	-	-	-	-		
28	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đồng Nai	9,694	110	9,494	-	-	-	-	-	8,770	106	8,493	-	-	-	-	-	171	171	-	-	-	-	91%	96%	89%	-	-	-	-	-		
29	Hội Luật gia Đồng Nai	545	-	545	-	-	-	-	-	543	-	518	-	-	-	-	-	6	6	-	-	-	-	100%	-	99%	-	-	-	-	-		
30	Hội Nạn nhân chất độc Da cam/Đioxin tỉnh Đồng Nai	1,284	-	1,204	-	-	-	-	-	1,154	-	1,136	-	-	-	-	-	17	17	-	-	-	-	96%	-	94%	-	-	-	-	-		
31	Hội Người mù tỉnh Đồng Nai	1,391	-	1,391	-	-	-	-	-	1,240	-	1,240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	89%	-	89%	-	-	-	-	-		

STT	Tên đơn vị	Dự toán					Quyết toán										So sánh (%)																																																																																																																																																																																		
		Tổng số	Chi đầu tư (không kể chương trình MTQO)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQO)	Chi trả nợ chính quyền cấp phòng		Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền cấp phòng vay	Chi trả nợ lãi do chính quyền



QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Đính kèm Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 09 /01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán				Quyết toán					So sánh QT/DT
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Trong cân đối				
			Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Bổ sung khác		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Bổ sung khác	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	13=5/1
	TỔNG SỐ	6,599,443	4,465,055	2,134,388	-	6,422,647	6,422,647	4,465,055	1,957,592		97%
1	Thành phố Biên Hòa	241,152	-	241,152		188,152	188,152	-	188,152		78%
2	Huyện Vĩnh Cửu	553,578	331,011	222,567		551,146	551,146	331,011	220,135		100%
3	Huyện Trảng Bom	431,991	252,843	179,148		429,067	429,067	252,843	176,224		99%
4	Huyện Thống Nhất	595,610	445,533	150,077		577,390	577,390	445,533	131,857		97%
5	Huyện Định Quán	941,954	649,400	292,554		933,387	933,387	649,400	283,987		99%
6	Huyện Tân Phú	834,314	596,058	238,256		828,232	828,232	596,058	232,174		99%
7	Thị xã Long Khánh	622,604	478,605	143,999		587,308	587,308	478,605	108,703		94%
8	Huyện Xuân Lộc	734,451	586,438	148,013		711,548	711,548	586,438	125,110		97%
9	Huyện Cẩm Mỹ	752,961	568,279	184,682		753,969	753,969	568,279	185,690		100%
10	Huyện Long Thành	444,039	264,628	179,411		433,516	433,516	264,628	168,888		98%
11	Huyện Nhơn Trạch	446,790	292,260	154,530		428,933	428,933	292,260	136,673		96%



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Đính kèm Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Đồng

STT	 Nội dung chi	Năm trước chuyển sang (Vốn sự nghiệp)	Dự toán			Quyết toán										...
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia							
				Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp				
										Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Chia ra		
														Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	B		1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	2,979,850,150	0	0	0	2,921,691,630	0	2,921,691,630	0	0	0	0	2,921,691,630	2,921,691,630	0	0
I	Chương trình mục tiêu quốc gia Về việc làm	2,150,000,000	-	-	-	2,133,869,000	-	2,133,869,000	-	-	-	-	2,133,869,000	2,133,869,000		
0252	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động	150,000,000				135,102,000		135,102,000					135,102,000	135,102,000		
0255	Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề	2,000,000,000				1,998,767,000		1,998,767,000					1,998,767,000	1,998,767,000		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
III	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình	162,850,150	-	-	-	162,850,150	-	162,850,150	-	-	-	-	162,850,150	162,850,150		
0038	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình	162,850,150				162,850,150		162,850,150					162,850,150	162,850,150		
IV	Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm	137,000,000	-	-	-	137,000,000	-	137,000,000	-	-	-	-	137,000,000	137,000,000		
00181	Dự án bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản	137,000,000				137,000,000		137,000,000					137,000,000	137,000,000		
VI	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS	350,000,000	-	-	-	323,967,000	-	323,967,000	-	-	-	-	323,967,000	323,967,000		
0412	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	350,000,000				323,967,000		323,967,000					323,967,000	323,967,000		
VII	Chương trình mục tiêu quốc gia Về văn hoá	180,000,000	-	-	-	164,005,480	-	164,005,480	-	-	-	-	164,005,480	164,005,480		
0093	Dự án sưu tầm - bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc VN	150,000,000				134,005,480		134,005,480					134,005,480	134,005,480		
0094	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa	30,000,000				30,000,000		30,000,000					30,000,000	30,000,000		

Số *2971* /STC-NSNN

Đồng Nai, ngày *06* tháng *6* năm 2019

Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 06.06.2019
14:50:47 +07:00

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC QUÝ II NĂM 2019**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019. Sở Tài chính công khai kết quả ước thực hiện Quý II/2019 như sau:

I. Ước thu ngân sách nhà nước: (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm):

Ước thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 26.485 tỷ đồng, đạt 47% dự toán năm và tăng 21% cùng kỳ. Cụ thể:

1. Thu nội địa: 16.938 tỷ đồng, đạt 46% dự toán và tăng 32% cùng kỳ (Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa là 14.595 tỷ đồng, đạt 43% dự toán và tăng 33% cùng kỳ). Kết quả các khoản thu nội địa đạt khá so với dự toán năm như: thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (60%), thu tiền sử dụng đất (103%); Riêng các khoản thu có tỷ trọng lớn như thu từ lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp (dưới 50% dự toán).

Khoản thu từ lĩnh vực hoạt động xổ số kiến thiết ước thu: 792 tỷ đồng, đạt 53% so với dự toán, bằng 88% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao so với dự toán là do Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai chuyển nộp lợi nhuận kinh doanh sau thuế thu nhập sau khi đã trích đủ các quỹ theo quy định là: 246 tỷ đồng.

2. Thu lĩnh vực xuất, nhập khẩu: Ước thu 8.547 tỷ đồng, đạt 50% dự toán, tăng 03% cùng kỳ.

3. Nguyên nhân tăng giảm thu ngân sách so với dự toán.

3.1. Nguyên nhân các khoản thu đạt khá so với dự toán:

- Ngành thuế đã tích cực rà soát, khai thác các nguồn thu từ số phát sinh của quý 4/2018; tập trung triển khai kịp thời công tác thanh tra, kiểm tra ngay từ đầu

năm 2019; rà soát, đơn đốc các doanh nghiệp triển khai nộp thuế TNDN, TNCN, và thuế tài nguyên sau khi quyết toán thuế;

- Hoạt động SXKD của các DN có phần khởi sắc; hoạt động mở rộng đầu tư mang lại hiệu quả, dẫn đến số nộp tăng cao, cụ thể: Công Ty TNHH Nestlé Việt Nam (tăng 60 tỷ), Công Ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 (kết thúc giai đoạn đại tu - tăng 50 tỷ), Chi Nhánh Công Ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam (tăng 20 tỷ),...

- Ngoài ra, trong những tháng đầu năm 2019, các CCT đều đạt những kết quả khả quan trong công tác thu NSNN, trong đó thu từ đất trong dân tăng, dẫn đến thuế trước bạ nhà đất và thuế TNCN cũng tăng, là một trong những nguyên nhân chủ yếu góp phần vào số thu chung của ngân sách tỉnh.

- Bên cạnh đó, ngành Hải quan cũng đã tập trung triển khai mạnh công tác thủ tục hành chính, đẩy mạnh thủ tục điện tử đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác chặt chẽ từ phía các cộng đồng doanh nghiệp.

- Việc phối hợp thu NSNN giữa các ngân hàng thương mại với Kho bạc Nhà nước cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục và thông quan hàng hóa được nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Đồng thời các ngành cũng đã tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

3.2. Nguyên nhân thu đạt thấp so với dự toán:

* Về lĩnh vực nội địa:

- Do một số doanh nghiệp mới thành lập nên hầu hết các thiết bị máy móc, nguyên liệu đều nhập khẩu từ công ty mẹ ở nước ngoài dẫn đến việc nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu lại được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cũng đã làm giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp ở các lĩnh vực thu thuế nội địa.

- Theo báo cáo đánh giá của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai, thu hút đầu tư doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ vào KCN chưa có nhiều khởi sắc, cần nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ cụ thể của nhà nước, điều này cũng ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trong năm.

- Ngoài ra, để hoàn thành số thu theo HĐND Tỉnh giao, Cục Thuế đã nỗ lực rà soát thu sát số phát sinh của năm 2018, nên số thu Quý 4/2018 chuyển qua năm 2019 còn rất ít; Đặc biệt có một số trường hợp không còn phát sinh số phải nộp. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp tiếp tục giảm doanh thu nên đã ảnh hưởng đến số nộp NSNN như: Công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam nộp giảm 10

tỷ đồng; Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Dielac nộp giảm 5 tỷ đồng,...; một số doanh nghiệp lại tăng tỷ lệ xuất khẩu nên giảm số nộp vào NSNN như: Công Ty Dây Đồng Việt Nam CFT nộp giảm 35 tỷ đồng,...

Đối với công tác quản lý Hộ kinh doanh :

- Qua theo dõi, khảo sát của ngành Thuế cho thấy số thu còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng; công tác quản lý hộ, doanh thu một số ngành nghề chưa được kịp thời, phù hợp với thực tế.

- Quy định đối với công tác quản lý hộ cá thể tuy đã đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, nhưng vẫn còn một số thủ tục rườm rà, phức tạp, hình thức. Một bộ phận không nhỏ người nộp thuế nhận thức về nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia kinh doanh còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao, tình trạng bán hàng không lập hóa đơn, hoặc lập hóa đơn khống để hợp thức hóa cho hàng hóa nhập khẩu, khai doanh thu thấp hơn thực tế để gian lận trốn thuế vẫn còn diễn ra.

- Việc chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp là một trong những nguồn để phát triển doanh nghiệp, tuy nhiên việc vận động các hộ kinh doanh lên doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn . Thực tế, rất nhiều hộ kinh doanh dù có doanh thu lớn, đội ngũ nhân công đông đảo, nhưng vẫn chọn mô hình kinh doanh hộ gia đình do các thủ tục nâng cấp còn phức tạp khiến các cơ sở kinh doanh này không muốn chuyển đổi.

** Về lĩnh vực Hải quan:*

- Địa bàn quản lý của tỉnh Đồng Nai không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hàng nhập sản xuất xuất khẩu được miễn thuế, gia công và hàng nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.

- Những mặt hàng có thuế suất, trị giá cao không được làm thủ tục tại địa phương (phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập) theo Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như: ô tô, hàng tiêu dùng, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (kiểm dịch thực vật theo danh mục của Bộ NN & PTNT quy định, kiểm tra chất lượng nhà nước,...)

- Do kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng giảm dẫn đến số thu thuế năm 2019 giảm như: mặt hàng xăng dầu, sắt thép các loại, nguyên phụ liệu dệt may giày da, sản phẩm hóa chất,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu nộp ngân sách.

II. Ước chi ngân sách địa phương: (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

Ước chi cân đối ngân sách địa phương 06 tháng: 8.588 tỷ đồng, đạt 42% dự toán và bằng 99% cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi từ nguồn năm trước chuyển sang) 3.250 tỷ đồng đạt 47% dự toán, bằng 92% cùng kỳ.

Tuy nhiên về tiến độ giải ngân vẫn còn một số nội dung còn chậm là do:

- Việc thực hiện trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết theo Nghị quyết của HĐND tỉnh để bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ dựa trên tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của các quỹ nên đã làm giảm tỷ lệ so với dự toán tỉnh giao.

- Việc tỉnh bố trí vốn để thực hiện hoàn trả các khoản vốn vay phát sinh của năm trước chỉ thực hiện khi tới hạn thanh toán cho các tổ chức tín dụng và thời gian thực hiện thanh toán giải ngân thường chủ yếu rơi vào các tháng cuối năm nên cũng đã làm giảm tỷ lệ so với dự toán tỉnh giao.

- Ngoài ra, nguồn vốn hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa, hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa tuy đã được bố trí vốn nhưng do các huyện chưa có nội dung thực hiện dự án nên nguồn vốn này vẫn còn đang ở ngân sách cấp tỉnh.

- Mặt khác, theo quy định tại Luật Đấu thầu (Điều 16 khoản 2) và Thông tư số 03 (Điều 35 khoản 7) các cá nhân tham gia trực tiếp vào lĩnh vực đấu thầu phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu. Tuy nhiên việc tổ chức thi tuyển để cấp chứng chỉ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và thực hiện theo từng đợt, do đó chưa thể đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân do đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Trước đây dự án được bố trí vốn khởi công mới đã thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và phải có quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công: dự án được bố trí vốn thực hiện dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư trước 31/10 của năm trước năm kế hoạch. Khi được giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện dự án, chủ đầu tư phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; thực hiện việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình để trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt làm cơ sở trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình. Các công việc nêu trên mất rất nhiều thời gian và trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu có khiếu kiện trong đấu thầu nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch.

Riêng đối với nội dung chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành là 11.490 tỷ đồng. Trong đó, năm 2018 là

4.500 tỷ và năm 2019 là 6.990 tỷ đồng đến hết tháng 05/2018 chỉ mới thực hiện giải ngân 225 tỷ đồng. Nguyên nhân giải ngân thấp so với dự toán Trung ương giao là do hiện nay việc thực hiện đơn giá bồi thường hỗ trợ cây cao su của các Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam vẫn chưa thống nhất nên đã ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án còn chậm như: việc tái lập hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài ranh giới cảng hàng không quốc tế Long Thành; việc thực hiện hệ thống hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư, tái định cư xã Lộc An, Bình Sơn và Các công trình xã hội khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An Bình Sơn,...

2. Chi thường xuyên 5.318 tỷ đồng đạt 44% dự toán, tăng 04% cùng kỳ.

Chi thường xuyên 06 tháng đầu năm cơ bản đáp ứng kịp thời, đầy đủ kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo trong dự toán được HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên vẫn còn một số sự nghiệp chi đạt thấp so với dự toán giao, nguyên nhân là do ngay từ đầu năm các địa phương trên địa bàn tỉnh phải chủ động thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương; kinh phí xử lý rác của một số địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có đơn giá chính thức nên cũng đã làm giảm tiến độ thực hiện dự án. Bên cạnh đó, dự toán chi do thay đổi chính sách như tăng lương từ 1.390.000 đồng lên 1.490.000 đồng mới được Chính phủ thông qua tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/07/2019 nên việc thực hiện dự toán cũng thấp so với tiến độ;....

Trên đây báo cáo công khai tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách quý II/2019 của Sở Tài chính./

Nơi nhận:

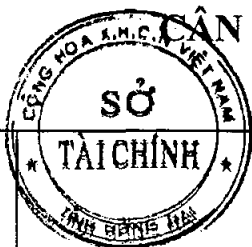
- UBND tỉnh (b/c);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính (Văn phòng Sở phối hợp đăng công);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, NSNN, VP.

S.2019.CK

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II/2019**

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	35.279.113	65%	111%
I	Thu cân đối ngân sách nhà nước	54.291.000	25.484.562	47%	116%
1	Thu nội địa	37.191.000	16.937.562	46%	122%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	8.547.000	50%	106%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		9.794.551		
	TỔNG CHI	26.645.768	8.588.000	32%	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26.645.768	8.588.000	32%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	19.614.838	8.588.000	44%	
1	Chi đầu tư	6.978.860	3.250.000	47%	130%
2	Chi thường xuyên	12.143.108	5.317.000	44%	104%
3	Chi trả nợ lãi vay	70.000	21.000	30%	
4	Chi dự trữ quỹ dự trữ tài chính	2.910	0		
5	Dự phòng ngân sách	419.960	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	7.030.930	0	0%	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II/2019

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

STT	 SỞ TÀI CHÍNH	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A		B	1	2	3=2/1	4
A		TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	25.484.562	47%	121%
I		Thu nội địa	37.191.000	16.937.562	46%	132%
1		Thu từ khu vực DNNN	5.272.000	1.905.100	36%	160%
2		Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.179.000	5.710.606	40%	146%
3		Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.872.000	2.130.000	44%	111%
4		Thuế thu nhập cá nhân	5.800.000	2.850.000	49%	119%
5		Thuế bảo vệ môi trường	510.000	270.000	53%	203%
6		Lệ phí trước bạ	1.280.000	650.000	51%	121%
7		Thu phí lệ phí	500.000	250.000	50%	121%
8		Các khoản thu về nhà đất	2.162.000	1.943.036		
-		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.000	33.000	53%	83%
-		Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	1.550.000	103%	176%
-		Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	600.000	360.000	60%	122%
-		Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		36		111%
9		Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180.000	150.000	83%	73%
10		Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của nhà nước	200.000	15.692	8%	852%
11		Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.485.000	792.394	53%	88%
12		Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.000	500	50%	3%
13		Thu khác ngân sách	750.000	270.234	36%	108%
II		Thu từ đầu thô				
III		Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	8.547.000	50%	103%
IV		Thu viện trợ				
B		THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	20.625.921	9.936.532	48%	
1		Từ các khoản phân chia	13.995.134	5.862.712	42%	
2		Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.630.787	4.073.820	61%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II/2019

ĐVT: triệu đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	20.625.921	8.588.000	42%	104%
I	Chi đầu tư phát triển	6.978.860	3.250.000	47%	130%
1	Chi đầu tư các dự án	6.978.860	3.250.000	47%	92%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	12.143.108	5.317.000	44%	104%
	Trong đó				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.172.849	2.310.000	45%	108%
2	Chi khoa học công nghệ	110.563	16.000	14%	67%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	886.569	455.000	51%	130%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	149.147	59.000	40%	100%
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	26.960	9.000	33%	97%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	106.666	54.000	51%	99%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	664.336	174.000	26%	82%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.415.257	404.000	29%	84%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.767.948	936.000	53%	103%
10	Chi bảo đảm xã hội	979.214	455.000	46%	113%
III	Chi trả nợ	70.000	21.000		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910		0%	
V	Dự phòng ngân sách	419.960		0%	
VI	Chi tạo nguồn CCTL	1.011.083		0%	0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW BỔ SUNG CHO NSDP	7.030.930			
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	7.030.930			

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC QUÝ I NĂM 2019**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019. Sở Tài chính công khai kết quả ước thực hiện Quý I/2019 như sau:

1. Ước thực hiện thu ngân sách quý I/2019

1.1 Về thu ngân sách: Ước thực hiện quý I/2019: 12.710 tỷ đồng, đạt 23% so với dự toán, tăng 23% so với cùng kỳ. Trong đó:

a. Thu nội địa: 8.560 tỷ đồng, đạt 23% so với dự toán và tăng 38% so cùng kỳ.

b. Thu xuất nhập khẩu: Ước thực hiện quý I/2019: 4.060 tỷ đồng, đạt 24% so với dự toán và tăng 01% so cùng kỳ.

1.2. Đánh giá tình hình thu ngân sách quý I/2019:

a. Về thu nội địa:

Thuận lợi:

- Do Ngành thuế đã tích cực rà soát, khai thác các nguồn thu từ số phát sinh của quý 4 năm 2018; phối hợp với UBND và Hội đồng tư vấn thuế các xã, phường, thị trấn tổ chức kê khai, tính thuế, lập bộ và thực hiện niêm yết công khai danh sách và mức thuế khoán của từng hộ, cá nhân đang kinh doanh (kể cả hộ, cá nhân được miễn, giảm thuế)... hoàn thành trong tháng 12/2018 để thông báo, đôn đốc thu kịp thời trong tháng 01/2019, đảm bảo mọi cá nhân, hộ kinh doanh đều có nghĩa vụ phải nộp thuế theo quy định; việc thực hiện công khai thông tin hộ kinh doanh định kỳ hàng tháng phải thực hiện trên hệ thống TMS.

- Phối hợp với Đài Truyền thanh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các nội dung thay đổi về Luật quản lý thuế, lệ phí môn bài, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa...; công khai danh sách người nộp thuế còn nợ thuế trên Báo Đồng Nai để khuyến khích người nộp thuế chủ động thực hiện

nộp thuế theo quy định. Đồng thời tập trung hỗ trợ người nộp thuế trong công tác quyết toán thuế năm 2018.

Đôn đốc thu thuế TNDN và thuế TNCN phát sinh chưa nộp hết của năm 2018. Tổ chức thực hiện giám sát chặt chẽ tình hình kê khai quyết toán thuế TNDN, thuế TNCN của năm 2018 đúng hạn theo quy định; xử lý nghiêm đối các trường hợp tạm nộp thuế TNDN trong năm 2018 thấp hơn 80% số thuế phát sinh phải thực hiện nộp theo quyết toán.

- Trong thời gian đầu năm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có phần khởi sắc; hoạt động tích cực đầu tư mở rộng của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh đã mang lại hiệu quả, dẫn đến số nộp ngân sách trong Q1/2019 tăng cao. Cụ thể: Công Ty TNHH Nestlé Việt Nam (tăng 60 tỷ), Công Ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 (kết thúc giai đoạn đại tu - tăng 50 tỷ), Chi Nhánh Công Ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam (tăng 20 tỷ),...

- Thu nhập từ tiền lương tiền công, các khoản tiền thưởng tết, thưởng cuối năm của người lao động tăng, mặt khác một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc kê khai khấu trừ kịp thời theo từng tháng, không để dồn vào quyết toán cuối năm như các năm trước đây, nên dẫn đến số thu thu trong quý cũng tăng so với cùng kỳ.

- Do trong những tháng đầu năm 2019, các Chi Cục thuế đóng trên địa bàn huyện, thị xã và thành phố đều tích cực thực hiện trong công tác thu ngân sách nhà nước như trong lĩnh vực thu từ đất thực hiện trong dân tăng, dẫn đến thuế trước bạ nhà đất và thuế thu nhập các nhân cũng tăng.

Khó khăn:

- Do một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới thành lập nên hầu hết là nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu từ công ty mẹ ở nước ngoài. Việc nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu sau đó lại được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cũng đã làm giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp nội địa (Vd: Công ty TNHH Hyosung Việt Nam, Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam,...) (Theo thông tin từ Sở Kế hoạch- đầu tư tỉnh Đồng Nai, thu hút đầu tư nước ngoài trong gần 2 tháng đầu năm 2019 đạt 186,4 triệu USD, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2018). Đây có thể coi là một trong những yếu tố giúp tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nhưng cũng là nguyên nhân chưa khai thác được nguồn thu từ các doanh nghiệp này trong thời gian đầu thực hiện.

- Việc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã lấp đầy, diện tích đất cho thuê không còn nhiều điều này đã khiến cho nhiều doanh nghiệp FDI đóng trên địa bàn tỉnh muốn mở rộng sản xuất kinh doanh cũng khó khăn, do đó việc phải

tìm đến các địa bàn tỉnh khác để đầu tư là điều tất yếu. Đây có thể coi là nguyên nhân làm giảm việc tận dụng khai thác các nguồn thu ngân sách của tỉnh.

- Do những tháng đầu năm công tác thanh tra, kiểm tra, thu nợ chưa triển khai thực hiện theo kế hoạch năm, chủ yếu là giải quyết những tồn tại của năm trước chuyển sang nên số thu ngân sách cũng chưa được cao.

- Do trong năm 2018, để phần đầu hoàn thành dự toán được giao ngành Thuế đã nỗ lực rà soát thu sát số phát sinh nên số thu trong Quý 4 năm 2018 chuyển sang năm 2019 còn ít, nên việc khai thác nguồn thu cũng còn hạn chế.

- Một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tiếp tục giảm doanh thu do phải thực hiện di dời địa điểm sản xuất chính theo lộ trình nên đã ảnh hưởng đến số thu nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể: Công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam giảm nộp 10 tỷ; Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Dielac giảm nộp 5 tỷ,...

- Do các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên tăng tỷ lệ xuất khẩu nên đã làm giảm số nộp vào ngân sách nhà nước.

b. Về thu xuất nhập khẩu:

Thuận lợi:

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai đẩy mạnh thủ tục hải quan điện tử đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác chặt chẽ từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

- Việc phối hợp thu NSNN với các ngân hàng thương mại, với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

Khó khăn:

- Địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hàng nhập sản xuất xuất khẩu được miễn thuế, gia công và hàng nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.

- Những mặt hàng có thuế suất, trị giá cao không được làm thủ tục tại địa phương (phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập) theo Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như: ô tô, hàng tiêu dùng, hàng hóa phải kiểm tra

chuyên ngành (kiểm dịch thực vật theo danh mục của Bộ NN & PTNT quy định, kiểm tra chất lượng nhà nước,...)

- Do kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng giảm dẫn đến số thu thuế năm 2019 giảm như: mặt hàng xăng dầu, sắt thép các loại, nguyên phụ liệu dệt may giấy da, sản phẩm hóa chất,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu năm 2019.

2. Chi cân đối ngân sách địa phương:

Chi ngân sách địa phương: Ước thực hiện 3.281 tỷ đồng, đạt 16% so với dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: là 750 tỷ đồng, đạt 11% so với dự toán.

- Chi thường xuyên: 2.530 tỷ đồng, đạt 21% so với dự toán.

a) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển:

- * Nguyên nhân giải ngân đạt thấp so với dự toán tình giao:

- Việc thực hiện trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết theo Nghị quyết của HĐND tỉnh để bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ dựa trên tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của các quỹ, do đó dẫn đến nội dung nguồn vốn này có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán.

- Việc tính bố trí vốn để thực hiện hoàn trả các khoản vốn vay phát sinh của năm trước chỉ thực hiện khi tới hạn thanh toán cho các tổ chức tín dụng và thời gian thực hiện thanh toán giải ngân thường chủ yếu rơi vào các tháng cuối năm nên đã làm giảm tỷ lệ so với dự toán tình giao.

- Ngoài ra, nguồn vốn hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa, hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tuy đã được bố trí vốn nhưng do các huyện chưa có nội dung thực hiện dự án nên nguồn vốn này vẫn còn đang ở ngân sách cấp tỉnh. Về nội dung này Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm để phân bổ cho khối huyện thực hiện.

b) Đánh giá tình hình chi thường xuyên:

Chi thường xuyên trong những tháng đầu năm 2019 về cơ bản đã đáp ứng đủ và kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện chi lương, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, chi hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2019 cho các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức mà tỉnh đã ban hành.

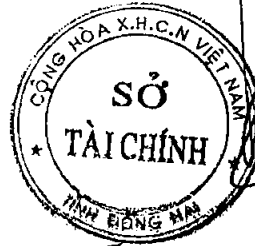
Trên đây báo cáo công khai tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách quý I/2019 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, NSNN, VP.

S.2019.CK

GIÁM ĐỐC



Người ký: Sở Tài
chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng
Nai
Thời gian ký:
18.03.2019 15:29:18

Nguyễn Thanh Bình 00

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2019

DVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)
				DỰ TOÁN NĂM
A	B			3=2/1
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	12.710.000	23%
I	Thu cân đối ngân sách nhà nước	54.291.000	12.710.000	23%
1	Thu nội địa	37.191.000	8.650.000	23%
2	Thu từ dầu thô			
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	4.000.000	24%
4	Thu viện trợ			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.656.851	3.280.700	12%
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	20.625.921	3.280.700	16%
1	Chi đầu tư	6.978.860	750.000	11%
2	Chi thường xuyên	12.143.108	2.530.000	21%
3	Chi trả nợ lãi vay	70.000	700	
4	Chi dự trữ quỹ dự trữ tài chính	2.910	0	
5	Dự phòng ngân sách	419.960	0	0%
6	CHI TẠO NGUỒN CCTL	1.011.083	0	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP			
D	CHI TRẢ NỢ			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I/2019

ĐVT: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)
				DỰ TOÁN NĂM
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	12.710.000	23%
I	Thu nội địa	37.191.000	8.650.000	23%
1	Thu từ khu vực DNNN	5.272.000	860.000	16%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.179.000	2.500.000	18%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.872.000	1.000.000	21%
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.800.000	1.700.000	29%
5	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	85.000	17%
6	Lệ phí trước bạ	1.280.000	330.000	26%
7	Thu phí lệ phí	500.000	150.000	30%
8	Các khoản thu về nhà đất	2.162.000	1.387.050	64%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.000	7.000	11%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	1.200.000	80%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	600.000	180.000	30%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	50	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180.000	44.000	24%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của nhà nước	200.000	20.000	10%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.485.000	565.000	38%
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	50	5%
13	Thu khác ngân sách	750.000	8.900	1%
II	Thu từ dầu thô			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	4.060.000	24%
IV	Thu viện trợ			
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	20.625.921	5.147.350	25%
1	Từ các khoản phân chia	13.995.134	2.642.350	19%
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.630.787	2.505.000	38%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/2019

ĐVT: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)
				DỰ TOÁN NĂM
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	27.656.851	3.280.700	12%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	20.625.921	3.280.700	16%
I	Chi đầu tư phát triển	6.978.860	750.000	11%
1	Chi đầu tư các dự án	7.246.060	2.300.000	32%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	12.143.108	2.530.000	21%
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.172.849	1.167.000	23%
2	Chi khoa học công nghệ	110.563	137.000	124%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	886.569	4.000	0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	149.147	32.000	21%
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	26.960	28.000	104%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	106.666	4.000	4%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	664.336	325.000	49%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.415.257	120.000	8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.767.948	38.000	2%
10	Chi bảo đảm xã hội	979.214	450.000	46%
III	Chi trả nợ	70.000	700	1%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	0	0%

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2019	SỐ SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)
				DỰ TOÁN NĂM
A	B	1	2	3=2/1
V	Dự phòng ngân sách	419.960	0	0%
VI	Chi tạo nguồn CCTL	1.011.083	0	0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW BỔ SUNG CHO NSDP	7.030.930	0	0%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	7.030.930	0	0%
2	Cho các nhiệm vụ chính sách kinh phí thường xuyên	0	0	

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số 5063 /STC-QLNS

Đồng Nai, ngày 16 tháng 9 năm 2019

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2019

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019; Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2019 (đợt 1). Sở Tài chính công khai kết quả ước thực hiện Quý III/2019 như sau:

I. Ước thu ngân sách nhà nước: (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm):

1. Về thu ngân sách: Ước thực hiện 39.037 tỷ đồng, đạt 72% so với dự toán, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó:

Thu nội địa: 26.601 tỷ đồng, đạt 72% so với dự toán và tăng 33% so cùng kỳ.

Thu xuất nhập khẩu: 12.436 tỷ đồng, đạt 73% so với dự toán và bằng 99% so cùng kỳ.

2. Nguyên nhân tăng giảm thu ngân sách so với dự toán.

a) Về thu nội địa:

*** Thuận lợi:**

- Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong năm 2019; rà soát, đôn đốc các doanh nghiệp nộp thuế TNDN, TNCN, Tài nguyên sau quyết toán thuế theo quy định. Cụ thể: Công tác kiểm tra tính đến ngày 31/8/2019 đã ban hành 1.555 quyết định xử lý, đạt tỷ lệ 58% kế hoạch (1.555 DN/2.670 DN) với tổng số tiền truy thu và phạt là 145 tỷ đồng.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN có phần khởi sắc; hoạt động đầu tư mở rộng mang lại hiệu quả, tăng doanh thu, dẫn đến số nộp tăng cao như: Chi Nhánh Công Ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam (tăng 40 tỷ), Công Ty TNHH Nestlé Việt Nam (tăng 10 tỷ), Thuế TTĐB nộp từ Tổng

công ty công nghệ thực phẩm tăng 488 tỷ đồng so với cùng kỳ do nộp phát sinh, và bù trừ hết khoản nộp thừa của năm trước chuyển sang,...

Ngoài ra thị trường bất động sản phát triển nóng đã tác động trực tiếp đến các khoản thu mang tính chất đột biến không thường xuyên như: Các khoản thu từ đất của các tổ chức và cá nhân, các công trình xây dựng vắng lại... đã đóng góp lớn đến tổng số thu trên địa bàn các huyện, thành phố. Một số doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh bất động sản phát sinh doanh thu đột biến so với cùng kỳ như: Công ty CP phát triển đô thị số 2: 100 tỷ đồng, Tổng công ty phát triển KCN: 30 tỷ đồng; Công ty CP Sonadezi Châu Đức 11 tỷ đồng, Công ty CP đầu tư và xây dựng cầu Đồng Nai tăng 12 tỷ đồng... do khoản thu trước tiền mở bán dự án (mới đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa xây dựng dự án).

- Về thuế thu nhập cá nhân: Nguyên nhân tăng thu là do thu nhập từ tiền lương tiền công, các khoản tiền thưởng tết, thưởng cuối năm của người lao động tăng; Mặt khác các DN đã thực hiện việc kê khai khấu trừ kịp thời theo từng tháng, không để dồn vào quyết toán cuối năm như các năm trước đây. Một số công ty có số nộp tăng cao như: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hwaseung Vina (tăng 20 tỷ đồng), Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyosung Việt Nam (tăng 16 tỷ đồng), Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyosung Đồng Nai (tăng 7 tỷ đồng),... Khoản phát sinh đột biến từ cá nhân chuyển nhượng vốn: 67 tỷ đồng...

- Do tăng thu tiền SDD, tiền thuê đất từ hoạt động đấu giá trong năm: Tính đến 31/8/2019, thu đấu giá tiền SDD: 1.269 tỷ đồng, tiền thuê đất 139 tỷ đồng.

Ngoài ra, do các Chi Cục thuế huyện và thành phố đều thu đạt những kết quả khả quan trong công tác thu NSNN, trong đó thu từ đất trong dân tăng, dẫn đến thuế trước bạ nhà đất và thuế TNCN cũng tăng, thu từ trước bạ xe ô tô tăng là một trong những nguyên nhân chủ yếu góp phần vào số thu chung của toàn tỉnh.

*** Khó khăn:**

- Mặc dù tỉnh vẫn là điểm thu hút được nhiều doanh nghiệp nước ngoài lựa chọn đầu tư, nhưng phần lớn các doanh nghiệp mới thành lập chủ yếu là nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu từ công ty mẹ ở nước ngoài. Việc nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu sau đó lại được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cũng đã làm giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp ở nội địa. Theo báo cáo của Sở KHĐT, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt trong 07 tháng đầu năm 2019 là 1.142 triệu USD, đạt 116% so với cùng kỳ năm 2018 (977,9 triệu USD), đạt 114,2% kế hoạch năm, cụ thể: cấp mới 55 dự án với tổng vốn đăng ký 537,27 triệu USD, điều chỉnh vốn 64 dự án với tổng vốn tăng thêm 604,55 triệu USD. Trong đó Dự án nhà máy sản xuất Chang Shin Việt Nam ở KCN Tân Phú, vốn đầu tư mới là 100 triệu USD và Dự án Công ty TNHH Otsuka Techno Việt Nam (Nhật Bản) tại KCN Nhơn Trạch, vốn đầu tư mới là 72 triệu USD. Cả 02 dự án trên và các

dự nhỏ còn lại đều đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh số nộp NSNN. Và theo báo cáo đánh giá của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, thu hút đầu tư doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ vào khu công nghiệp chưa có nhiều khởi sắc, cần nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ của nhà nước nên cũng ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trong năm của tỉnh.

- Mặt khác, trong năm 2018, Cục Thuế cũng đã nỗ lực rà soát thu sát số phát sinh nên số thu chuyển qua năm 2019 còn ít; một số trường hợp không còn phát sinh số phải nộp.

- Một số DN đã giảm doanh thu hoạt động tại địa bàn nên tỷ lệ phân bổ lợi nhuận giảm dẫn đến số thuế TNDN giảm: Vinamilk giảm doanh thu tại Đồng Nai: 36 tỷ, Viettel Đồng Nai giảm: 13 tỷ...

- Các công ty kinh doanh, khai thác tài nguyên giảm doanh thu do các đơn vị khai thác có số lượng các mỏ đất, cát, đá hết trữ lượng và đóng cửa như: Công ty VLXD Biên Hòa giảm 63 tỷ; Tổng công ty cấp nước Sài Gòn giảm 7 tỷ đồng; Một số DN khó khăn kinh doanh như Công ty dây đồng CFT giảm 25,5 tỷ đồng; Một số DN vắng lai giảm so với cùng kỳ do kết thúc dự án như: Nhà thầu chính Công ty Cty Sumitomo Mitsui giảm 35 tỷ đồng, Công ty CJ Vina Agri giảm 35,2 tỷ đồng; Các doanh nghiệp FDI thì phần lớn đều hoạt động xuất khẩu do đó không phát sinh số thuế GTGT phải nộp ở lĩnh vực nội địa.

Đối với công tác quản lý Hộ kinh doanh:

- Qua theo dõi, khảo sát của ngành Thuế cho thấy số thu của hộ kinh doanh còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng; công tác quản lý hộ, doanh thu một số ngành nghề chưa được kịp thời, phù hợp với thực tế.

- Quy định đối với công tác quản lý hộ cá thể tuy đã đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, nhưng vẫn còn một số thủ tục rườm rà, phức tạp, hình thức. Một bộ phận không nhỏ người nộp thuế nhận thức về nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia kinh doanh còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao, tình trạng bán hàng không lập hóa đơn, hoặc lập hóa đơn khống để hợp thức hóa cho hàng hóa nhập khẩu, khai doanh thu thấp hơn thực tế để gian lận trốn thuế vẫn còn diễn ra.

- Chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp là một trong những nguồn để phát triển doanh nghiệp, tuy nhiên việc vận động các hộ kinh doanh lên doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn. Thực tế, rất nhiều hộ kinh doanh dù có doanh thu lớn, đội ngũ nhân công đông đảo, nhưng vẫn chọn mô hình kinh doanh hộ gia đình do các thủ tục nâng cấp còn phức tạp khiến các cơ sở kinh doanh này không muốn chuyển đổi.

b) Về thu xuất nhập khẩu:

Thuận lợi:

- Do tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục giữ ở mức ổn định nên số thuế nhập khẩu, GTGT tăng, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu

phục vụ sản xuất tăng như: Mặt hàng chất dẻo, mặt hàng sản phẩm từ sắt thép, giấy, vải các loại, linh kiện phụ tùng xe máy, kim loại nộm tăng so với cùng kỳ.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được triển khai và đẩy mạnh về thủ tục hải quan điện tử đến các cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

- Việc phối hợp thu NSNN với các ngân hàng thương mại với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

Khó khăn:

- Một số mặt hàng kim ngạch nhập khẩu giảm như: Mặt hàng xăng dầu Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp giảm do xăng nhập khẩu giảm để chuyển sang sử dụng xăng sinh học được sản xuất trong nước; Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm dẫn đến số thuế giảm như: Mặt hàng hóa, sắt thép, nguyên phụ liệu thuốc lá, linh kiện, phụ tùng ô, điện gia dụng và linh kiện,...

- Địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là hàng nhập sản xuất xuất khẩu được miễn thuế, gia công và hàng nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.

- Những mặt hàng có thuế suất, trị giá cao không được làm thủ tục tại địa phương (phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập) theo Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/06/2019 (thay thế Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12/05/2017) của Thủ tướng Chính phủ như: ô tô, hàng tiêu dùng, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (kiểm dịch thực vật theo danh mục của Bộ NN & PTNT quy định, kiểm tra chất lượng nhà nước,...).

- Do kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng giảm dẫn đến số thu thuế năm 2019 giảm như: mặt hàng xăng dầu, sắt thép các loại, nguyên phụ liệu dệt may giày da, sản phẩm hóa chất,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu năm 2019.

II. Ước chi ngân sách địa phương: (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

Chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 13.037 tỷ đồng, đạt 58% so với dự toán điều chỉnh, tăng 02% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 4.600 tỷ đồng, đạt 61% so với dự toán điều chỉnh, bằng 96% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 8.407 tỷ đồng, đạt 62% so với dự toán điều chỉnh và tăng 05% so với cùng kỳ.

1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển:

- * Nguyên nhân giải ngân đạt thấp so với dự toán tình giao:

- Việc thực hiện trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết theo Nghị quyết của HĐND tỉnh để bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ dựa trên tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của các quỹ, do đó dẫn đến nội dung nguồn vốn này có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán và đồng thời nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án trên 100 tỷ điều tiết về tỉnh chưa phân bổ để thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Việc tỉnh bố trí vốn để thực hiện hoàn trả các khoản vốn vay phát sinh của năm trước chỉ thực hiện khi tới hạn thanh toán cho các tổ chức tín dụng và thời gian thực hiện thanh toán giải ngân thường chủ yếu rơi vào các tháng cuối năm nên đã làm giảm tỷ lệ so với dự toán tình giao.

- Một số nội dung chi bổ sung vốn mới được HĐND tỉnh thông qua kỳ họp giữa năm nên việc bố trí vốn mới được triển khai và thực hiện trong tháng 8. Bên cạnh đó, vốn đầu tư công giải ngân chậm là do vướng về giải phóng mặt bằng, thực hiện hồ sơ thiết kế của chủ đầu tư chậm; các chủ đầu tư chưa chủ động đơn đốc thực hiện hồ sơ, lập dự toán chi tiết của đề án,...

Riêng đối với dự án bồi thường giải phóng mặt bằng sân bay Long Thành đang tiếp tục tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục giá đất; hoàn thành công tác xác nhận nguồn gốc đất đối với phần diện tích của Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su Đồng Nai. Bên cạnh đó trong quá trình thực hiện còn vướng một số khó khăn, vướng mắc như: một số trường hợp sai thông tin chủ sử dụng, thay đổi đối tượng thu hồi đất do chuyển nhượng, thừa kế, một số phải rà lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trùng số tờ, số thửa, một số hộ không xác định được ranh đất, không thống nhất với hồ sơ kỹ thuật do giảm diện tích; Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư, tái định cư tại xã Bình Sơn chưa hoàn thành nên chưa đủ căn cứ để Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh trình phê duyệt báo cáo,...

2. Đánh giá tình hình chi thường xuyên:

Chi thường xuyên 09 tháng đầu năm cơ bản đáp ứng kịp thời, đầy đủ kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính

sách an sinh xã hội, đặc biệt là đảm bảo kinh phí và kịp thời cho các địa phương trên địa bàn tỉnh để thực hiện chi chống dịch tả lợn Châu phi, hỗ trợ cho người bị thiệt hại do dịch gây ra; Đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo trong dự toán được HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên vẫn còn một số sự nghiệp chi đạt thấp so với dự toán giao, nguyên nhân là do ngay từ đầu năm các địa phương trên địa bàn tỉnh phải chủ động thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương; kinh phí xử lý rác của một số địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có đơn giá chính thức nên cũng đã làm giảm tiến độ thực hiện dự án.

Nhìn chung chi ngân sách địa phương trong 9 tháng đầu năm các cấp ngân sách vẫn đảm bảo cân đối được nguồn tồn quỹ trong việc điều hành và quản lý ngân sách.

Trên đây báo cáo công khai tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách quý III/2019 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
 - Trang thông tin điện tử Sở Tài chính (Văn phòng Sở phối hợp đăng công);
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu VT, QLS, VP.
- S.2019.CK



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III/2019

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	48.766.780	90%	111%
I	Thu cân đối ngân sách nhà nước	54.291.000	39.036.617	72%	120%
1	Thu nội địa	37.191.000	26.600.617	72%	133%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	12.436.000	73%	99%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		9.730.163		
	TỔNG CHI	29.539.480	13.286.500	45%	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	29.539.480	13.286.500	45%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	22.508.550	13.036.500	58%	
1	Chi đầu tư	7.489.569	4.600.000	61%	96%
2	Chi thường xuyên	13.515.028	8.407.000	62%	105%
3	Chi trả nợ lãi vay	70.000	29.500	42%	
4	Chi dự trữ quỹ dự trữ tài chính	2.910	0		
5	Dự phòng ngân sách	419.960	0		
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.011.083	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	7.030.930	250.000	4%	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III/2019

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	54.291.000	39.036.617	72%	120%
I	Thu nội địa	37.191.000	26.600.617	72%	133%
1	Thu từ khu vực DNNN	5.272.000	3.277.878	62%	159%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.179.000	8.375.147	59%	128%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.872.000	3.613.924	74%	122%
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.800.000	4.170.207	72%	123%
5	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	399.298	78%	194%
6	Lệ phí trước bạ	1.280.000	1.135.260	89%	137%
7	Thu phí lệ phí	500.000	360.876	72%	120%
8	Các khoản thu về nhà đất	2.162.000	3.396.421		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.000	56.536	91%	108%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	2.696.446	180%	182%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	600.000	643.400	107%	175%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		39		18%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180.000	172.562	96%	155%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của nhà nước	200.000	161.693	81%	1366%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.485.000	1.151.512	78%	97%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.000	449	45%	2%
13	Thu khác ngân sách	750.000	385.390	51%	83%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.100.000	12.436.000	73%	99%
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	20.625.921	15.790.604	77%	
1	Từ các khoản phân chia	13.995.134	9.042.654	65%	
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	6.630.787	6.747.950	102%	

 12.1
N
12.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III/2019

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	22.508.550	13.036.500	58%	102%
I	Chi đầu tư phát triển	7.489.569	4.600.000	61%	96%
1	Chi đầu tư các dự án	7.489.569	4.600.000	61%	96%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	13.515.028	8.407.000	62%	105%
	Trong đó				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.442.123	3.530.000	65%	108%
2	Chi khoa học công nghệ	110.578	25.000	23%	84%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.149.385	730.000	64%	111%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	166.978	96.000	57%	102%
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	42.760	13.000	30%	89%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	120.332	76.000	63%	90%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	733.853	322.000	44%	99%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.969.976	690.000	35%	79%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.839.189	1.500.000	82%	107%
10	Chi bảo đảm xã hội	962.814	650.000	68%	116%
III	Chi trả nợ	70.000	29.500		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910		0%	
V	Dự phòng ngân sách	419.960		0%	
VI	Chi tạo nguồn CCTL	1.011.083		0%	0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW BỔ SUNG CHO NSDP	7.030.930	250.000		
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	7.030.930	250.000		